



BẢN TIN

TƯ PHÁP

Quảng Trị

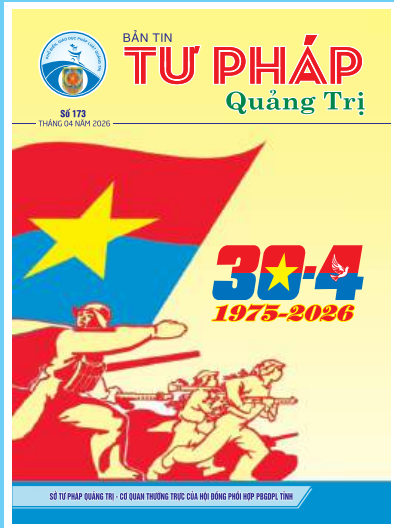
Số 173

THÁNG 04 NĂM 2026



30-4
1975-2026

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG TRỊ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CỦA HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PBGDPL TỈNH



BẢN TIN Tư pháp Quảng Trị

SỐ 173 THÁNG 04 NĂM 2026

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN CHÍ TIẾN
TUV, Giám đốc Sở Tư pháp
Phó Chủ tịch thường trực
Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh

Trưởng Ban Biên tập:

TRƯƠNG QUANG SÁNG
Phó Giám đốc Sở Tư pháp

Thư ký:

VÕ THỊ THU HƯƠNG

Thiết kế bản in:

MAI TRÚC - BÍCH THỦY



SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG TRỊ
183 đường Hữu Nghị - P. Đồng Hới - T.Quảng Trị
Email: bantintuphap@yahoo.com.vn
website: stp.quangtri.gov.vn

MỤC LỤC

| | Trang |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| • Lộ trình, điều kiện chuyển đổi, giải thể tổ chức hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật | TRƯƠNG QUANG SÁNG 3 |
| • Quyết tâm đi tới thống nhất đất nước của dân tộc ta theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh | NGUYỄN TIẾN NÊN 6 |
| • Quan điểm đột phá về con người trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng | TRẦN VĂN TOÀN LÊ THỊ THANH NHẠM 8 |
| • Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Trị: Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho Nhân dân | PHƯƠNG THIÊN 11 |
| • An toàn cho trẻ em gái trên mạng xã hội không chỉ là trách nhiệm của gia đình | ĐOÀN THỊ PHƯỢNG 14 |
| • Quy định về tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất sang đất ở | TUYẾT HÀ 16 |
| • Xã Cửa Việt tăng cường tuyên truyền biển, đảo, nâng cao trách nhiệm bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc | PHƯƠNG THIÊN 18 |
| • Chào mừng thành công Ngày Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, ngày hội của non sông, ngày hội của Nhân dân Quảng Trị | TRẦN CÔNG TRUNG 20 |
| • Một số kết quả trong thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 1 tỉnh Quảng Trị | PHAN TRỌNG HÙNG 22 |
| • Một số quy định về kiểm sát đấu giá tài sản kê biên | HÀ LINH 24 |
| • Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sản phẩm hàng hóa có khuyết tật gây ra | THU HƯƠNG 27 |
| • Vai trò của việc tập huấn kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị | HOÀNG NAM 29 |
| • Ba mươi Tháng tư, ngày sử vàng lại đến | HỒ NGỌC DIỆP 32 |
| • Sống theo pháp luật | LÊ HUẤN 33 |
| • Thăm lại chiến trường Khe Sanh | TRẦN ĐÌNH NGÔN 33 |
| • Chuyên mục Giải đáp pháp luật | TRUNG TÂM TGPLNN SỐ 1 34 |
| • Chuyên mục Tiêu điểm chính sách | PHÒNG PBGDPL&TDTHPL MINH PHƯƠNG 36 |
| • Giới thiệu văn bản | PHÒNG PBGDPL&TDTHPL 42 |
| • Tin hoạt động | PHÒNG PBGDPL&TDTHPL NGỌC THỦY - ĐỨC LÂM 46 |
| • Chuyện vui | PHÒNG PBGDPL&TDTHPL 50 |

- In 2.130 cuốn, khổ 19x27cm, tại Công ty CP In Quảng Bình
- Giấy phép xuất bản số 52/GP-SVHTTDL ngày 17/11/2025 của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị
- In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2026.

LỘ TRÌNH, ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

■ Luật gia: TRƯƠNG QUANG SÁNG

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, sự mở rộng quan hệ, giao lưu các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội trong nước cũng như quốc tế, đã tạo nên sự đa dạng, phong phú trong các giao dịch. Việc tạo lập, duy trì ổn định trong quan hệ giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại là điều kiện đặc biệt quan trọng để phát triển kinh tế, xã hội. Tổ chức hành nghề công chứng là một trong những chủ thể trực tiếp thực hiện chức năng này, văn bản công chứng là chứng cứ pháp lý quan trọng, được xem là công cụ hữu hiệu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức góp phần phòng ngừa tranh chấp và vi phạm pháp luật, tạo ra sự ổn định trong các giao dịch, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế xã hội.

Theo quy định của pháp luật hiện hành thì tổ chức hành nghề công chứng bao gồm Phòng công chứng và Văn phòng công chứng được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Công chứng và quy định khác của pháp luật có liên quan nhằm thực hiện việc công chứng hợp đồng, giao dịch và các việc khác theo quy định của pháp luật. Phòng công chứng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập. Văn phòng công chứng do công chứng viên thành lập theo mô hình doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty hợp danh. Việc tồn tại song song hai loại hình này

tạo điều kiện đa dạng hóa dịch vụ, nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu công chứng của tổ chức, cá nhân.

Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế thị trường phát triển năng động, việc tổ chức, vận hành các Tổ chức hành nghề công chứng cũng cần có cơ chế linh hoạt, phù hợp với thực tiễn nhằm thực hiện mạnh mẽ chủ trương xã hội hóa hoạt động công chứng một cách toàn diện. Do đó, pháp luật đã quy định rõ ràng về lộ trình, điều kiện chuyển đổi và giải thể Tổ chức hành nghề công chứng nhằm đảm bảo sự ổn định của hệ thống công chứng, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan. Trong bài viết này tác giả phân tích các điều kiện chuyển đổi và giải thể tổ chức hành nghề công chứng theo quy định pháp luật hiện hành.

Chuyển đổi tổ chức hành nghề công chứng được hiểu là việc thay đổi loại hình tổ chức, phổ biến nhất là chuyển từ Phòng công chứng sang Văn phòng công chứng theo chủ trương xã hội hóa hoạt động công chứng. Theo đó, về điều kiện chuyển đổi, Luật Công chứng quy định: Trường hợp địa phương đã phát triển được Văn phòng công chứng đáp ứng yêu cầu công chứng của cá nhân, tổ chức và căn cứ vào quy định của pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp lập đề án chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Trường hợp không có khả năng chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng thì Sở Tư pháp lập đề án giải thể Phòng công chứng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Trình tự, thủ tục giải thể Phòng công chứng thực hiện theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập. Phòng công chứng chỉ được giải thể sau khi thanh toán xong các khoản nợ, làm xong thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đã ký với người lao động, thực hiện xong các yêu cầu công chứng đã tiếp nhận. Đồng thời, Luật giao Chính phủ quy định chi tiết việc chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng; quy định lộ trình hoàn thành việc chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng, giải thể Phòng công chứng tại các địa phương¹.

Về lộ trình chuyển đổi: theo quy định tại Điều 15, Nghị định 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ thì căn cứ mức tự chủ tài chính của Phòng công chứng, lộ trình hoàn thành việc chuyển đổi, giải thể Phòng công chứng tại các địa phương được thực hiện như sau: (a) Đối với các Phòng công chứng tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư: Chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2026. (b) Đối với các Phòng công chứng tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên: Chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2027. (c) Đối với các Phòng công chứng không thuộc điểm a và điểm b khoản này: Chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2028. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định của Luật Công chứng, Nghị định này, pháp luật về tổ chức, sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp công lập và tình hình thực tế tại địa phương để quyết định việc chuyển đổi, giải thể các Phòng công chứng của địa phương phù hợp với lộ trình quy định.

Như vậy, theo quy định nêu trên thì chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2028 hoàn thành việc chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng hoặc giải thể Phòng Công chứng.

Về phương thức chuyển đổi Phòng công chứng: Luật Công chứng quy định: Phòng Công chứng có từ 02 công chứng viên trở lên; tại các địa bàn cấp huyện được thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thì Phòng công chứng có thể có 01 công chứng viên²; Văn phòng công chứng được tổ chức và

hoạt động theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan đối với loại hình công ty hợp danh; tại các đơn vị hành chính cấp huyện có mật độ dân số thấp, cơ sở hạ tầng và dịch vụ chưa phát triển và khó khăn trong việc thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh, Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan đối với loại hình công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh phải có từ 02 thành viên hợp danh trở lên, các thành viên hợp danh phải là công chứng viên. Trưởng Văn phòng công chứng phải là thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng và đã hành nghề công chứng từ đủ 02 năm trở lên. Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp tư nhân đồng thời là Trưởng Văn phòng công chứng và phải là công chứng viên đã hành nghề công chứng từ đủ 02 năm trở lên³.

Nghị định 104/2025/NĐ-CP quy định: (1) Quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng được chuyển giao cho các công chứng viên đang là viên chức của Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi. Giá quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng được xác định là số tiền nộp ngân sách và nộp thuế trung bình trong 03 năm gần nhất của Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi. (2) Trường hợp công chứng viên của Phòng công chứng không nhận chuyển đổi Phòng công chứng hoặc không đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật Công chứng (Luật) thì quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng được tổ chức bán đấu giá. Giá khởi điểm để đấu giá được xác định là số tiền nộp ngân sách và nộp thuế trung bình trong 03 năm gần nhất của Phòng công chứng. Việc bán đấu giá được thực hiện theo trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản công⁴.

Căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Công chứng và quy định pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành danh mục địa bàn cấp huyện được thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân (sau đây gọi là Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân) của địa phương mình⁵; sau khi chính quyền

địa phương được chuyển thành mô hình chính quyền 02 cấp thì địa bàn cấp huyện được quy định tại khoản 1 Điều 17, điểm b và điểm e khoản 1 Điều 63 của Nghị định 104/2025/NĐ-CP được thay bằng địa bàn cấp xã đáp ứng các tiêu chí, điều kiện theo quy định của Luật Công chứng và pháp luật có liên quan⁶.

Căn cứ các quy định được viện dẫn ở trên thì điều kiện người nhận chuyển đổi Phòng công chứng được chuyển giao cho các công chứng viên đang là viên chức của Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi. Nếu công chứng viên không phải đang là viên chức của Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi thì không có quyền nhận chuyển giao. Mặt khác, nếu công chứng viên đang là viên chức của Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi nhận chuyển giao Luật quy định phải đủ điều kiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Công chứng, theo đó, Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh phải có từ 02 thành viên hợp danh trở lên và thành viên hợp danh phải là công chứng viên, ở đây được hiểu đồng thời đang là viên chức của Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi, nếu là Trưởng Văn phòng công chứng phải là thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng và đã hành nghề công chứng từ đủ 02 năm trở lên và phải đang là viên chức của Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi.

Đối với trường hợp chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp tư nhân đồng thời là Trưởng Văn phòng công chứng và phải là công chứng viên đã hành nghề công chứng từ đủ 02 năm trở lên và phải đang là viên chức của Phòng Công chứng dự kiến chuyển đổi.

Từ những căn cứ pháp lý và phân tích nêu trên cho thấy: trường hợp Phòng công chứng thuộc địa bàn chỉ thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh thì phải chuyển đổi thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh. Trong trường hợp này phải có ít nhất 02 công chứng viên là viên chức Phòng công chứng cùng tham gia nhận chuyển đổi. Nếu Phòng công chứng thuộc địa bàn chỉ thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thì có thể chuyển đổi thành Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân và trong trường hợp này thì 01 công chứng viên là

viên chức của Phòng công chứng có thể nhận chuyển đổi Phòng công chứng đó.

Uy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng theo đề nghị của Sở Tư pháp. Văn phòng công chứng được thành lập từ việc chuyển đổi Phòng công chứng thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động như đối với Văn phòng công chứng được thành lập mới. Phòng công chứng được chuyển đổi chấm dứt hoạt động tại thời điểm quyết định chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng có hiệu lực thi hành. Văn phòng công chứng được thành lập từ việc chuyển đổi Phòng công chứng phải kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ trong hoạt động công chứng và tiếp nhận toàn bộ hồ sơ công chứng của Phòng công chứng đó⁷.

Phòng công chứng thuộc trường hợp chuyển đổi thành Văn phòng công chứng theo quy định của Luật Công chứng mà không chuyển đổi được thì bị giải thể. Phòng công chứng chỉ được giải thể sau khi đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật Công chứng và giải quyết chế độ, chính sách cho công chứng viên, viên chức khác, người lao động của Phòng công chứng theo quy định⁸.

Như vậy, việc quy định lộ trình, điều kiện chuyển đổi và giải thể tổ chức hành nghề công chứng là cần thiết và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội. Những quy định này không chỉ tạo hành lang pháp lý rõ ràng mà còn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động công chứng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và nhằm đạt được mục tiêu xã hội hóa hoạt động công chứng. Trong thời gian tới, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực thi và tăng cường quản lý nhà nước để hệ thống công chứng nước ta phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế và hội nhập quốc tế.

1. Điều 22 Luật Công chứng.
2. Điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Công chứng.
3. Điều 23 Luật Công chứng.
4. Điều 10 Nghị định 104/2025/NĐ-CP.
5. Khoản 1 Điều 17 Nghị định 104/2025/NĐ-CP.
6. Khoản 3 Điều 66 Nghị định 104/2025/NĐ-CP.
7. Điều 11 Nghị định 104/2025/NĐ-CP.
8. Điều 14 Nghị định 104/2025/NĐ-CP.

QUYẾT TÂM ĐI TỚI THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC CỦA DÂN TỘC TA THEO LỜI DẠY CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

■ NGUYỄN TIẾN NÊN

Hơn nửa thế kỷ đã đi qua, tháng 4 năm 2026, đất nước ta kỷ niệm 51 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Dịp này, chúng ta luôn khắc sâu lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong đó, Người đặt ra quyết tâm lớn nhất, ý chí kiên quyết nhất trước ngày khởi nghĩa, cướp chính quyền tháng 8/1945: *"Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập!"*. Điều này sẽ góp phần giúp chúng ta nhận thức đúng đắn hơn quyết tâm của Đảng ta, toàn quân và toàn dân ta, đưa đất nước đi tới ngày toàn thắng.

Như chúng ta đã biết, việc nắm bắt đúng đắn thời cơ, kiên quyết lãnh đạo Nhân dân ta đứng lên khởi nghĩa giành thắng lợi, là một trong những thành công mang tầm trí tuệ của Đảng ta và Bác Hồ, trong Cách mạng Tháng 8 năm 1945. Trước đó, Bác đã nói với đồng chí Võ Nguyên Giáp một câu nói bất hủ, câu nói trở thành mệnh lệnh, mang tính chất quyết định lịch sử: *"Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập!"*. Giữa lúc công việc rất bề bộn, tuy có bị mệt nhưng Bác vẫn gắng làm việc. Đêm 15/7/1945, Người sốt nặng. Thường khi, không bao giờ Bác chịu đi nằm, nếu không phải lúc nghỉ ngơi, nhưng bấy giờ Bác chịu nằm và luôn mê sảng. Lo lắng cho sức khỏe của Bác, đồng chí Võ Nguyên Giáp (lúc này là Tư lệnh Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân) xin phép nghỉ lại với Bác trên lán Nà Lừa (Tuyên Quang). Người mở mắt và gật đầu rất nhẹ. Nửa đêm, chùng dụi cơn sốt,

Bác đặt tay trên trán, mắt nhắm chiuu nhìn lên mái lán giữa rừng, trong tiếng lá cây xào xạc. Đồng chí Võ Nguyên Giáp lo lắng hỏi: *"Bác thấy trong người thế nào?"*. Không trả lời thẳng vào câu hỏi, Người nói: *"Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập"⁽¹⁾*. Câu nói của Bác trong đêm tháng 7/1945 giữa rừng Việt Bắc, đã trở thành tâm điểm Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân Đại hội đại biểu (tiền thân của Quốc hội Việt Nam ngày nay); trở thành động lực thể hiện ý chí sắt đá và quyết tâm của Đảng ta, của cả dân tộc ta, trước những điều kiện hết sức thuận lợi, không bỏ lỡ thời cơ "có một không hai", như nhận định của Bác.

Câu nói ấy của Người đã hình thành một quyết tâm to lớn của cả dân tộc Việt Nam ta. Đầu tiên là quyết tâm chớp lấy thời cơ, làm nên thắng lợi cuộc khởi nghĩa, giành chính quyền về tay Nhân dân, tiến tới thành lập một nước Việt Nam mới, nước Việt Nam độc lập. Câu nói của Người đã hun đúc tinh thần yêu nước và trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp, kết thúc bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên phủ. Hàng vạn dân công hỏa tuyến chân đất đầu trần, cùng chung ý chí với toàn quân, ngày đêm tiếp lương tải đạn để chiến dịch đi đến toàn thắng.

Bước vào cuộc chiến đấu mới, chống Mỹ và bè lũ tay sai bán nước, nhất là thời kỳ cả nước có chiến tranh. Quyết tâm của toàn dân tộc được thể hiện cao nhất, qua các phong trào

hùng hực khí thế chống Mỹ cứu nước. Ngoài mặt trận, người trước ngã, người sau xông lên; trong mỗi gia đình, anh chị hy sinh, các em tiếp tục ra chiến trường. Phía Tây, các lực lượng “mở đường mà tiến, đánh địch mà đi”; “xe chưa qua nhà không tiếc, đường chưa thông không tiếc máu xương”; “xe ta thêm một vòng quay, miền Nam giảm bớt một ngày đau thương”. Việc mở hệ thống đường Trường Sơn Hồ Chí Minh, là biểu tượng không gì lay chuyển của quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Phía Đông, theo đường Hồ Chí Minh trên biển, những con tàu mang lời thề “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” vượt sóng nhằm miền Nam thẳng tiến. Từ lời thề trước mỗi chuyến ra khơi, họ sẵn sàng huỷ tàu và hy sinh, không để phương tiện và vũ khí sa vào tay giặc.

Những năm tháng về vang ấy, tâm điểm trong suy nghĩ của mỗi người là “Mặt trận!”. Dù trong gian khổ, hy sinh, tại các tỉnh thành ở cả hai miền Nam Bắc, từ miền xuôi đến miền ngược, từ nông thôn đến đô thị, từ bung biển đến hải đảo..., đâu đâu cũng sôi sục quyết tâm và tinh thần thi đua đánh Mỹ. Với tuyến lửa Quảng Trị của chúng ta, từ Đồng Hới, Sông Gianh, Long Đại, Xuân Sơn, Cha Quang, Lèn Hà, Mụ Giạ, Đèo Ngang; đến Đường 9, Thành Cổ, Vĩnh Linh, Tân Lâm, Khe Sanh, Cửa Việt... Cùng các toạ độ lửa ở các miền quê khắp cả nước, từ Đồng Lộc, Bến Thủy, Truong Bồn, Hàm Rồng, Lạch Trường, Bãi Cháy; đến Châu Yên, Sơn La, mảnh đất Tây Bắc của Tổ quốc. Đặc biệt, Hà Nội, Hải Phòng, nơi trực tiếp đối đầu với địch trong trận “Điện Biên phủ trên không”. Với miền Nam thân yêu, niềm mong nhớ ngày đêm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là Thành đồng của Tổ quốc. Trong gian nan, trong lao tù của thực dân, đế quốc, đồng bào, chiến sỹ ta vẫn một niềm tin vào ngày thắng lợi của cách mạng. Nhờ niềm tin đó, họ mới có được “nghị lực thép” để vượt lên tất cả, nung nấu một quyết tâm “đánh thẳng giặc Mỹ cực chừ sướng sau”, đưa cuộc kháng chiến cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn vào ngày 30/4/1975.

“Chưa yên vui cho trọn ngày/ Áo lính lại khoác vào ngay” (Bài ca tạm biệt - Diệp Minh Tuyền). Giúp bạn là tự giúp mình, ta lại lên đường

cứu dân tộc Campuchia ra khỏi thảm họa diệt chủng. Trở về đánh tan quân bành trướng ở biên giới phía Bắc. Giữ gìn hoà bình từ xa, chưa bao giờ biển đảo và biên giới được quan tâm bảo vệ như hiện nay. Suy cho cùng, mọi thành quả của cách mạng đều xuất phát từ quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; một quyết tâm không gì lay chuyển nổi được hình thành từ những câu nói mang tầm chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

Kỷ niệm 51 năm Đại thắng mùa Xuân, thống nhất Tổ quốc, lời dạy của Bác càng cho ta thêm những bài học quý. Hơn nửa thế kỷ đã đi qua, những bài học đó vẫn còn nguyên giá trị, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sự thành công ở chỗ, Đảng ta đã tạo được niềm tin tuyệt đối vào lý tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp cho đảng viên và quần chúng Nhân dân hy sinh phấn đấu. Thành công còn ở sự nhận định và tận dụng thời cơ trong những giai đoạn lịch sử, qua các cuộc kháng chiến cứu nước, cũng như thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước hôm nay. Từ quyết tâm sắt đá ấy, Nhân dân ta trong thân phận nô lệ đã đứng lên giành độc lập, làm chủ vận mệnh, làm chủ đất nước, tiếp tục thực hiện lời Người ngày 3/11/1968, kêu gọi cả nước tiến lên đánh thẳng giặc Mỹ xâm lược: *“Hể còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi”*⁽²⁾.

Trong khi nhiều quốc gia trên thế giới đang phải đối mặt với xung đột, tàn khốc và bạo lực, Nhân dân Việt Nam chúng ta càng thấm nhuần giá trị của hòa bình, khi được sống trong độc lập, tự do, hạnh phúc. Có thành quả to lớn đó, Đảng và Bác Hồ đã lãnh đạo Nhân dân ta đấu tranh, hy sinh bằng bao xương máu mới giành được. Cho đến nay lời dạy của Bác vẫn nguyên giá trị, là bài học vô cùng ý nghĩa đang đồng hành cùng dân tộc ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đưa đất nước vươn mình, phồn vinh, văn minh và phát triển trong giai đoạn mới.

(1) Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử, tập 2); Chương trình “Thời cơ vàng” VTV1, 20 giờ 10 phút ngày 22/08/2025.

(2) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 15, trang 512; Báo Nhân dân số 5317, ngày 3/11/1968.

QUAN ĐIỂM ĐỘT PHÁ VỀ CON NGƯỜI TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

■ ThS. TRẦN VĂN TOÀN - ThS. LÊ THỊ THANH NHẠN
Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị

Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, con người được xác định là vị trí trung tâm của chiến lược phát triển, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Văn kiện nhấn mạnh yêu cầu phát triển con người Việt Nam toàn diện, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, tri thức, kỹ năng và khát vọng cống hiến trong kỷ nguyên mới. Đột phá không chỉ ở giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ, mà còn ở cơ chế, chính sách nhằm phát huy tối đa tiềm năng, sức sáng tạo của mỗi cá nhân. Đồng thời, chú trọng xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, coi trọng nhân tài, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Trong tiến trình đổi mới, Đảng xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển. Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng đã xác định 03 khâu “đột phá” chiến lược là “chìa khóa” để Việt Nam phát triển nhanh, bền vững và bao trùm: Một là, đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển, nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hai là, tập trung chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao. Ba là, tiếp tục hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội¹.

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đã khẳng định rõ phát triển con người Việt Nam đạt được nhiều thành tựu về tầm vóc, thể lực, trình độ và tuổi thọ

Vấn đề xây dựng và phát triển con người toàn diện, chấn hưng đạo đức xã hội, xây dựng hệ giá trị con người và văn hoá được tiến hành từng bước phù hợp với điều kiện phát triển của mỗi giai đoạn của thời kỳ đổi mới, gắn với đổi mới đồng bộ và toàn diện các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Văn kiện tiếp tục nhấn mạnh các quan điểm nhằm phát triển con người toàn diện. Nhận thức rõ tinh thần đột phá ấy, việc cập nhật, bổ sung các quan điểm vào học tập, giảng dạy, nghiên cứu, công tác có ý nghĩa quan trọng nhằm tăng tính thời sự, tính thực tiễn. **Thứ nhất, Đại hội XIV đã nhận thức sâu sắc hơn về nhân tố con người và mối quan hệ giữa phát triển văn hóa, con người với phát triển kinh tế, xã hội.**

So với Văn kiện Đại hội XIII, Văn kiện Đại hội XIV đã tiếp tục phát triển nhận thức về nhân tố con người theo hướng nhấn mạnh rõ hơn vai trò của con người như trung tâm của hệ giá trị phát triển quốc gia và là nguồn lực nội sinh quan trọng thúc đẩy tăng trưởng dựa

trên tri thức, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện được xác định là một mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Đại hội nhấn mạnh: *“Coi phát triển văn hóa và xây dựng con người là nhân tố nội sinh cốt lõi của sự phát triển. Nhận thức rõ hơn yêu cầu phải hình thành hệ thống chuẩn mực về hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế”*².

Đại hội khẳng định: *“Đẩy mạnh đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chủ động hội nhập quốc tế, kết hợp chặt chẽ và triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, trong đó: Phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên”*³.

Trong thời đại hiện nay, phát triển không còn được đo lường chủ yếu bằng các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế thuần túy, mà được nhìn nhận toàn diện thông qua chất lượng nguồn nhân lực, mức độ phát huy tiềm năng, trí tuệ và bản lĩnh con người, cũng như năng lực sáng tạo của toàn xã hội. Đây là bước tiến quan trọng về mặt nhận thức, tạo cơ sở lý luận vững chắc để đặt giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và chính sách phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài vào vị trí then chốt của chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Thứ hai, nhận thức rõ hơn về yêu cầu xây dựng cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước của mọi người dân. Khẳng định phát huy tối đa nhân tố con người. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại.

Việc phát triển toàn diện con người Việt Nam đã khắc phục hướng một chiều, phiến diện chỉ chú ý tới những phẩm chất tốt đẹp của con người mà còn chú ý khắc phục những mặt hạn chế, bất cập của con người trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu xây dựng và hoàn thiện hệ giá trị làm nền tảng tinh thần cho sự phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trên cơ sở bốn tầng hệ giá trị: *“Hệ giá trị quốc gia, hệ giá*

*trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Phát triển toàn diện con người Việt Nam về đạo đức, trí tuệ, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân, thượng tôn pháp luật, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số”*⁴.

Việc xác lập các giá trị này vừa bảo đảm tính kế thừa truyền thống, vừa hướng tới hiện đại hóa tư duy và lối sống, tạo nên nền tảng tinh thần cho chiến lược phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI.

Bên cạnh đó, phát triển con người Việt Nam toàn diện được đặt ra như mục tiêu trung tâm, bao gồm phát triển về đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống và kỹ năng nghề nghiệp. Mục đích cuối cùng của sự phát triển này là giúp con người ngày càng phát triển cao về trí tuệ, khỏe mạnh về thể chất, giàu có về tinh thần trong sáng về đạo đức, linh hoạt văn minh trong các ứng xử.

Đây là quan điểm thể hiện cách tiếp cận toàn diện, hài hòa giữa “chất” và “lượng” của nguồn nhân lực, phù hợp xu thế chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Những nhận thức mới là sự đúc kết đảm bảo tính khoa học và tính thực tiễn để có thể triển khai trong hoạt động thực tiễn đồng thời cũng là những thành tựu lý luận rất quan trọng, cần được kế thừa và bổ sung trong khi xây dựng, hoạch định đường lối, chính sách về phát triển con người toàn diện trong thời gian từ nay đến 2030, tầm nhìn đến 2045.

Thứ ba, coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với khoa học - công nghệ và chuyển đổi số.

Tổng kết 40 năm đổi mới cho thấy, nguồn nhân lực Việt Nam đã có sự chuyển biến mạnh mẽ cả về lượng và chất, chỉ số vốn nhân lực liên tục tăng, thuộc nhóm khá của thế giới, cao hơn mức trung bình của các nước có thu nhập trung bình và đứng vào nhóm dẫn đầu trong khu vực Đông Nam Á. Tuy vậy, trước yêu cầu cạnh tranh nhân lực chất lượng cao, già hóa dân số, thiếu hụt nhân lực công nghệ lõi và sự phân hóa thị trường lao động, việc tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng đào tạo và xây dựng môi trường trọng dụng nhân tài vẫn là đòi hỏi cấp bách.

Trong sáu nhiệm vụ trọng tâm được nêu trong văn kiện, thì hai nhiệm vụ đều trực tiếp liên quan đến phát triển nguồn lực con người, trong đó nhấn mạnh: *“Tập trung triển khai đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo nền tảng cho phát triển lực*

lượng sản xuất mới, hiện đại, ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược, trọng tâm là chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; đẩy mạnh đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo động lực then chốt nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của nền kinh tế⁵ và “Phát triển nguồn lực con người, phát triển văn hoá thực sự trở thành nền tảng tinh thần, sức mạnh nội sinh, động lực to lớn cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới, trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, coi trọng và đầu tư cho sự nghiệp chăm sóc sức khoẻ nhân dân⁶”.

Việc tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao cũng được xác định là một trong ba đột phá chiến lược, thể hiện qua chủ trương tập trung bồi dưỡng nhân lực trình độ cao, thu hút và trọng dụng nhân tài như một lực lượng nòng cốt thúc đẩy tăng trưởng dựa trên tri thức.

Thứ tư, ưu tiên an sinh xã hội, đồng bộ chính sách về phúc lợi, bảo vệ nhóm yếu thế.

Ở Đại hội XIII, tư tưởng “Dân là gốc” được nhấn mạnh như một giá trị nền tảng, một bài học xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. Đại hội XIV phát triển tư tưởng này lên một tầng nấc mới khi coi đó là chuẩn mực chính trị - đạo lý - quản trị để đánh giá năng lực lãnh đạo của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Đại hội XIV nhấn mạnh: “*Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu*”⁷.

Sự chuyển biến sâu sắc này cũng đã được khởi phát qua một loạt các chính sách xã hội vì người dân trong năm 2024 và lại được kết tinh trở lại trong Văn kiện Đại hội XIV. Trong đó, đáng chú ý là một số chính sách lớn trong thời gian gần đây như chính sách miễn học phí; chính sách và mục tiêu về xây dựng nhà ở xã hội; chủ trương xây gần 250 trường nội trú liên cấp ở các xã biên giới; là sự mở rộng chế độ trợ cấp hưu trí xã hội; là việc tiếp tục nâng mức hỗ trợ bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người khuyết tật, người yếu thế tiến tới thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

Trong giai đoạn tới, Đại hội tiếp tục nhấn mạnh: “*ưu tiên các đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế và đối tượng trong khu vực phi*

chính thức, phù hợp điều kiện, trình độ phát triển của Việt Nam, “không để ai bị bỏ lại phía sau”; “Phấn đấu thực hiện mục tiêu đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo, miễn viện phí toàn dân⁸” cho thấy sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, bảo đảm mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả phát triển. Chủ trương tạo việc làm ổn định, có thu nhập bền vững; thúc đẩy bình đẳng giới, bảo vệ trẻ em, nhóm yếu thế... Đây chính là cơ sở quan trọng để triển khai các chính sách giảm nghèo đa chiều theo hướng tiếp cận quyền con người và phát triển bao trùm là thước đo văn minh của một quốc gia.

Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng là sự tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn, kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, thể hiện tư duy, tầm nhìn chiến lược phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; đồng thời có giá trị định hướng và lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội, góp phần hiện thực hóa niềm tin và khát vọng của cả dân tộc vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Những điểm mới về đột phá phát triển con người trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng thể hiện tầm nhìn chiến lược: con người Việt Nam vừa giữ nguồn cội, bản sắc, vừa đổi mới, vừa sáng tạo và vừa trách nhiệm. Văn kiện Đại hội XIV tạo nên khung lý luận và chiến lược cụ thể cho việc xây dựng văn hóa và phát triển con người trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Những “đột phá” đó là bước đệm để Việt Nam có cơ hội phát triển một nền văn hóa hiện đại, giàu bản sắc và nguồn lực con người chất lượng cao, khát vọng và sự sáng tạo, có tinh thần; từ đó, củng cố “sức mạnh mềm” của quốc gia, góp phần đưa Việt Nam vào kỷ nguyên mới và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tài liệu tham khảo:

[1,3,4,5,6,8] Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, xtdcs.cdnchinhphu.vn/446259493575335936/2026/2/6/bao-cau-dang-119260206221643667.htm, ngày đăng 8/2/2026.

[2] Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam, <https://xtdcs.cdnchinhphu.vn/446259493575335936/2026/2/6/bao-cau-tong-ket-40-nam-17703880527452025545925-1770393521372639383648.pdf>, ngày đăng 7/2/2026, tr.24.

[7] Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, <https://xtdcs.cdnchinhphu.vn/446259493575335936/2026/2/6/bao-cau-ctri-17703880212842123567259-17703933605411372590556.pdf>, ngày đăng 7/2/2026, tr.39.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Trị: ĐẨY MẠNH TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NHÂN DÂN

■ PHƯƠNG THIỆN

Những năm qua, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được hệ thống Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) các cấp triển khai với nhiều cách làm linh hoạt, sáng tạo, hướng mạnh về cơ sở. Thông qua những buổi sinh hoạt khu dân cư, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, các mô hình tự quản cộng đồng, mô hình pháp luật, hoạt động của tổ hòa giải, đến các phong trào thi đua ở cộng đồng dân cư... nên pháp luật ngày càng đến gần hơn với người dân, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, góp phần xây dựng đời sống văn hóa, giữ vững an ninh trật tự ngay từ cơ sở, xây dựng xã hội kỷ cương, dân chủ, văn minh.

Sinh thời, Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Việc công bố đạo luật chưa phải đã xong, mà còn phải tuyên truyền, giáo dục lâu dài đến mọi người dân thì mới thực hiện tốt được. Tuyên truyền phải làm cho dân hiểu, nhớ, tin và làm theo; pháp luật chỉ thực sự có giá trị khi đi vào cuộc sống”. Thực hiện theo Bác, cùng với việc đẩy mạnh thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Trị đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, bám sát

thực tiễn địa phương, lấy người dân làm trung tâm. Công tác PBGDPL không còn dừng lại ở việc truyền đạt văn bản mà được “mềm hóa”, lồng ghép vào đời sống sinh hoạt cộng đồng, giúp người dân dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện.

Từ năm 2020 đến nay, bằng nhiều cách làm linh hoạt, sát thực tiễn, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đã được Ủy ban MTTQ tỉnh Quảng Trị và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở đã triển khai sâu rộng, sáng tạo, gắn với sinh hoạt cộng đồng, từng bước lan tỏa tinh thần thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong Nhân dân. Mặt trận các cấp trong tỉnh đã đưa pháp luật “đi vào lòng dân”, chủ động phối hợp với chính quyền và các tổ chức thành viên triển khai đa dạng hình thức tuyên truyền: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số trong công tác tuyên truyền; đăng tải tin, bài tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; hệ thống mạng xã hội, Facebook fanpage, Zalo Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã; phối hợp tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh của địa phương. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với Báo và Đài PTTH tỉnh thực hiện chuyên mục “Đại Đoàn Kết”, “Pháp luật và đời sống” trên Đài PTTH tỉnh, chuyên trang “Đại đoàn kết”, “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật”. Xuất bản bản tin công tác Mặt trận định kỳ hàng quý, trong đó có đăng tải các nội



Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Cửa Việt tổ chức Hội nghị tuyên truyền pháp luật về phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định IUU và phổ biến chính sách tín dụng năm 2026

dung về pháp luật. Phối hợp tuyên truyền trực quan sinh động như: Xây dựng các bảng tin, pano, áp phích, niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư... Hình thức trực quan được triển khai đồng bộ, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền pháp luật đến đoàn viên, hội viên. Việc thiết kế infographic, biên tập tài liệu tuyên truyền pháp luật, cung cấp các tài liệu, tờ rơi về pháp luật cho cán bộ Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở để tuyên truyền cho người dân dễ nhớ, dễ hiểu, vận động Nhân dân thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Các hoạt động tổ chức hội nghị, tập huấn, đối thoại trực tiếp, tư vấn pháp luật, hội thi, hội thảo, diễn đàn, các điểm truyền thông, tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề... đến hệ thống loa truyền thanh, mạng xã hội, lồng ghép nội dung pháp luật vào các buổi sinh hoạt khu dân

cư, Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, sinh hoạt chi hội, chi đoàn... được tổ chức tại cơ sở. Nội dung tuyên truyền tập trung vào các văn bản quy phạm về các chính sách liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người dân, doanh nghiệp, về cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, phòng chống tội phạm, ma túy, chuyển đổi số, khiếu nại tố cáo, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, an toàn giao thông... Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Khiếu nại và Luật tố cáo, Luật Tiếp công dân, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật An toàn giao thông, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng Nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)... được chuyển tải đến cán bộ, đoàn viên, hội viên, Nhân dân.

Bên cạnh đó, các chương trình đối thoại, tư vấn pháp luật trực tiếp đã trở thành cầu nối quan trọng. Từ năm 2020 đến nay, toàn tỉnh tổ chức hơn 500 cuộc đối thoại, thu hút hơn 40.000 lượt người tham gia. Hơn 120 lớp tập huấn cho đội ngũ báo cáo viên, hòa giải viên, góp phần nâng cao chất lượng tuyên truyền ở cơ sở.

Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình hay, qua đó đưa công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến gần hơn với đời sống Nhân dân. Toàn tỉnh hiện có hơn 280 mô hình, câu lạc bộ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hoạt động hiệu quả, gắn với từng địa bàn, từng nhóm đối tượng. Nhiều mô hình được duy trì bài bản, đi vào chiều sâu và thực sự phát huy hiệu quả như: Câu lạc bộ “Tuổi trẻ với pháp luật” tại phường Đông Hà, phường Nam Đông Hà; “Dòng họ giáo dục con cháu không vi phạm pháp luật” ở xã Quảng Thủy; “Thanh thiếu niên tìm hiểu pháp luật” tại xã Ba Đồn; “Ông bà mẫu mực, con cháu thảo hiền” tại thôn Tùng Luật, xã Cửa Tùng; “Tổ dân phố không hát karaoke gây tiếng ồn ngoài khung giờ quy định” tại phường Đồng Sơn, “Nhà tôi có bình chữa cháy” ở phường Đồng Thuận; hay các mô hình “Không có con em và người thân vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội” tại Chi hội An Trú (xã Triệu Cơ), “Giáo dục con em trong gia đình không vi phạm pháp luật gắn với an toàn giao thông” ở thôn Trúc Lâm (xã Gio Linh).

Với tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật luôn hướng về cơ sở đến từng thôn, bản, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và vùng biển. Ở mỗi địa bàn, cách làm được linh hoạt điều chỉnh, phù hợp với đặc điểm dân cư. Ông Hồ Xy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Dân Hóa chia sẻ: “Chúng tôi xác định công tác tuyên truyền pháp luật phải bắt đầu từ những điều gần gũi nhất với người dân. Không chỉ tuyên truyền theo văn bản, chúng tôi lồng ghép vào các buổi sinh hoạt khu dân cư, các cuộc họp thôn, qua hệ thống loa truyền thanh... để bà con dễ tiếp cận. Đối với những vùng còn khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, chúng tôi chú trọng cách tuyên truyền dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm theo”. Bà Nguyễn Thị Lan, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn 4, xã Nam Trạch chia sẻ:

“Khi tuyên truyền, chúng tôi luôn gắn với đời sống thực tế của người dân. Chúng tôi lấy tình huống thực tế ở địa phương để minh họa, bà con dễ hiểu, dễ nhớ và chủ động trao đổi hơn. Nhờ vậy, bà con dễ tiếp thu và tự giác chấp hành”. Ở góc độ người dân, Ông Nguyễn Văn Khai, Chủ tịch Nghiệp đoàn cơ sở nghề cá xã Cửa Việt, thôn Long Hà 1, xã Cửa Việt cho biết: “Nhờ được tuyên truyền về chính sách luật pháp, trong đó có Luật Thủy sản, bà con hiểu rõ quy định khi ra khơi, cùng nhau bảo vệ nguồn lợi thủy sản”. Bà Hồ Thị Phéc, thôn A Quan, xã Lìa bày tỏ: “Nhờ các buổi đối thoại pháp luật, chúng tôi hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình, yên tâm hơn trong cuộc sống”. Từ những hoạt động, những con số, những lời chia sẻ đó cho thấy sự vào cuộc quyết liệt và hiệu quả của hệ thống Mặt trận trong toàn tỉnh, tạo sức lan tỏa sâu rộng. Pháp luật không còn là những điều khoản khô khan mà trở thành câu chuyện gần gũi, gắn với từng vấn đề thiết thực trong đời sống Nhân dân.

Trong thời gian tới, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp trong tỉnh tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng gần dân, sát cơ sở, phù hợp với từng đối tượng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát huy hiệu quả hệ thống truyền thanh cơ sở, tuyên truyền trực quan, trực tiếp, tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội; hệ thống mạng xã hội, Facebook fanpage, Zalo MTTQ cấp tỉnh, cấp xã; các mô hình, câu lạc bộ pháp luật tại cộng đồng, chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ tuyên truyền viên, hòa giải viên ở cơ sở; phát huy vai trò của đội ngũ tuyên truyền viên, hòa giải viên ở cơ sở; nhân rộng các mô hình hiệu quả, cách làm hay trong cộng đồng... Qua đó, tiếp tục đưa pháp luật thấm sâu vào đời sống, nâng cao ý thức tự giác chấp hành trong Nhân dân, góp phần xây dựng xã hội kỷ cương, dân chủ, văn minh, thượng tôn pháp luật. Mỗi người dân không chỉ sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, mà còn là chủ thể tích cực góp phần giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng quê hương ngày càng phát triển.

AN TOÀN CHO TRẺ EM GÁI TRÊN MẠNG XÃ HỘI KHÔNG CHỈ LÀ TRÁCH NHIỆM CỦA GIA ĐÌNH

■ ThS. ĐOÀN THỊ PHƯƠNG

Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị

Bình đẳng giới giữ vai trò then chốt trong việc bảo đảm công bằng xã hội và tạo động lực cho phát triển bền vững của mỗi quốc gia, mỗi địa phương. Trong kỷ nguyên số, không gian mạng - nơi tri thức, quyền lực và danh tính được kiến tạo - đang trở thành chiến tuyến mới của bất bình đẳng giới. Chính bởi thế mà Quảng Trị dù đang trong giai đoạn đầu của một hành trình phát triển sau sự kiện hợp nhất lịch sử (từ ngày 01/7/2025), giữa bộn bề công việc, tỉnh đã nhanh chóng bắt tay vào Kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2025” với chủ đề “Bình đẳng giới và an toàn cho phụ nữ và trẻ em gái trong kỷ nguyên số”. Việc xây dựng một môi trường sống an toàn, văn minh không chỉ giới hạn ở không gian về địa lý của tỉnh mà còn phải được ưu tiên hàng đầu trên không gian số - nơi mở ra vô vàn cơ hội học tập, kết nối và phát triển, nhưng cũng tiềm ẩn những rủi ro khôn lường, đặc biệt là với trẻ em gái, là đối tượng dễ bị tổn thương bởi các hình thức bạo lực trên cơ sở giới.

Chúng ta thường mặc định rằng việc quản lý, bảo vệ con cái trên mạng là trách nhiệm của các bậc phụ huynh. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, các mối đe dọa trên mạng xã hội đã vượt xa tầm kiểm soát của một gia đình đơn lẻ. Đã đến lúc chúng ta phải thẳng thắn nhìn nhận về vấn đề an toàn cho trẻ em gái trên mạng xã hội không chỉ là câu chuyện của gia đình, mà là

trách nhiệm chung của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị.

1. Không gian mạng - nơi tiềm ẩn nhiều nguy hiểm

Không gian mạng đang phản chiếu và khuếch đại những bất bình đẳng giới vốn đã tồn tại trong xã hội thực. Trẻ em gái không chỉ đối mặt với các nguy cơ chung như lừa đảo hay nghiện game, mà còn là mục tiêu hàng đầu của các hình thức bạo lực giới tinh vi và độc hại như: *Bắt nạt trực tuyến*, đó là những lời miệt thị ngoại hình, tung tin đồn thất thiệt, lập các nhóm chat nói xấu... gây tổn thương tâm lý nặng nề, dẫn đến trầm cảm và tự ti; *Quấy rối tình dục trực tuyến*, đó là gửi tin nhắn, hình ảnh nhạy cảm, gạ gẫm, đe dọa tung ảnh riêng tư...; *Dụ dỗ và bóc lột*, đó là kẻ xấu xây dựng lòng tin, sau đó dụ dỗ trẻ em gái gửi hình ảnh, video nhạy cảm, hoặc ép buộc thực hiện các hành vi tình dục ngoài đời thực; hoặc tiếp xúc với nội dung độc hại, đó là các nội dung cổ xúy bạo lực, tư tưởng trọng nam khinh nữ, tiêu chuẩn kép về ngoại hình... len lỏi vào nhận thức của trẻ.

Hậu quả của bạo lực trực tuyến không chỉ là những tổn thương tâm lý tức thời. Nó tước đi quyền được an toàn, quyền được bày tỏ ý kiến, và quyền được phát triển bình đẳng của trẻ em gái. Nó tạo ra một rào cản vô hình, khiến các em sợ hãi khi tham gia vào không gian số, từ đó hạn chế cơ hội tiếp cận tri thức và hội nhập.

2. Bảo vệ trẻ em gái - trách nhiệm chung của toàn xã hội

Để xây dựng một “lá chắn số” vững chắc, chúng ta không thể phó mặc cho các gia đình. Cần có sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị bảo vệ, đặc biệt khi tỉnh Quảng Trị mới đang trong giai đoạn kiện toàn bộ máy, thống nhất nguồn lực và thiết lập các ưu tiên phát triển chiến lược.

Thứ nhất, từ gia đình. Chúng ta thấy rằng vai trò của gia đình là không thể thay thế, nhưng cần được đổi mới trong thời đại số. Thay vì cấm đoán cực đoan mà cha mẹ cần trở thành người đồng hành số của con. Điều này đòi hỏi cha mẹ phải chủ động nâng cao hiểu biết của chính mình về công nghệ, về các xu hướng mạng xã hội mà con mình đang sử dụng. Điều này sẽ rất khó đối với những bậc cha, mẹ lớn tuổi. Tuy nhiên, nếu có sự quyết tâm sẽ làm được. Quan trọng nhất là xây dựng một không khí tin tưởng, để trẻ dám chia sẻ khi gặp rắc rối mà không sợ bị la mắng hay trừng phạt. Gia đình phải là nơi an toàn đầu tiên và vững chắc nhất.

Thứ hai, vai trò của nhà trường. Nhà trường không chỉ dạy kiến thức văn hóa, mà còn phải dạy kỹ năng sống trong thế kỷ XXI. Giáo dục công dân số phải trở thành một nội dung cốt lõi trong chương trình học. Trường học cần trang bị cho học sinh, đặc biệt là học sinh gái, các kỹ năng như: Nhận diện các hình thức quấy rối, bắt nạt; cách thiết lập và bảo vệ quyền riêng tư cá nhân; tư duy phản biện trước các thông tin xấu độc; biết cách thu thập bằng chứng và báo cáo khi bị xâm hại. Đội ngũ giáo viên, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm cần được tập huấn thường xuyên để trở thành điểm tựa tin cậy cho học sinh.

Thứ ba, vai trò của chính quyền và các cơ quan chức năng. Đây chính là yếu tố then chốt khẳng định đây “không chỉ là trách nhiệm của gia đình”. Chính quyền tỉnh Quảng Trị mới, với nguồn lực được hợp nhất và phạm vi quản lý rộng lớn hơn, cần thể hiện vai trò vô cùng quan trọng. Muốn vậy, cần hoàn thiện hành lang pháp lý và thực thi nghiêm minh. Đẩy mạnh hoạt động của lực lượng an ninh mạng, điều tra và xử lý nghiêm các hành vi xâm hại trẻ em trên không gian mạng. Cần có cơ chế

tiếp nhận tin báo và xử lý khủng hoảng nhanh chóng, hiệu quả trên quy mô toàn tỉnh.

Cần tổ chức các chiến dịch truyền thông quy mô lớn. Tháng hành động vì bình đẳng giới năm 2025 là một cơ hội tuyệt vời. Các sở, ban, ngành như Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hoá thể thao và du lịch... cần phối hợp chặt chẽ, sử dụng nguồn lực truyền thông hợp nhất của hai địa phương cũ để tạo ra một chiến dịch lan tỏa mạnh mẽ, thay đổi nhận thức từ cán bộ đến từng người dân. Tỉnh cần đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp các đường dây nóng, các trung tâm tư vấn, hỗ trợ tâm lý và pháp lý miễn phí cho nạn nhân bị bạo lực trực tuyến, đảm bảo rằng không trẻ em gái nào phải đơn độc khi gặp nạn.

Thứ tư, trách nhiệm của các tổ chức xã hội và doanh nghiệp. Đối với Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh phải là lực lượng nòng cốt trong việc tổ chức các buổi sinh hoạt, tập huấn kỹ năng tại cộng đồng, trường học. Xây dựng các mô hình như “Câu lạc bộ nữ sinh tự tin thời đại số”, “Tổ tư vấn cộng đồng”... Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, viễn thông, cần tích cực hợp tác với cơ quan chức năng trong việc lọc, chặn nội dung xấu độc và nhanh chóng cung cấp thông tin khi có yêu cầu điều tra. Đối với các nền tảng mạng xã hội như Facebook, TikTok, Zalo... cần phải có trách nhiệm xã hội, đơn giản hóa quy trình báo cáo vi phạm, sử dụng thuật toán để chủ động quét và gỡ bỏ các nội dung xâm hại trẻ em.

“Bình đẳng giới và an toàn cho phụ nữ và trẻ em gái trong kỷ nguyên số” không phải là một khẩu hiệu suông, đó là một mệnh lệnh hành động. Bảo vệ trẻ em gái trên mạng xã hội không phải là trách nhiệm của riêng gia đình nào, mà là chỉ dấu cho sự văn minh và tiến bộ của toàn xã hội. Trong tháng hành động này, và trong cả hành trình phát triển sắp tới, toàn thể hệ thống chính trị và Nhân dân tỉnh Quảng Trị cần chung tay hành động. Chúng ta cần một cam kết mạnh mẽ và những hành động thiết thực để không gian mạng không phải là một “cạm bẫy” gieo rắc nỗi sợ hãi và bất bình đẳng mà thực sự là một thế giới phẳng về cơ hội cho mọi người cùng phát triển.

QUY ĐỊNH VỀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TỪ ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÔNG THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT SANG ĐẤT Ở

■ TUYẾT HÀ

Đất đai luôn là vấn đề luôn được người dân dù ở bất kỳ chế độ nào đều quan tâm. Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất gắn bó mật thiết với con người, là nơi để con người sinh sống, làm việc. Ông cha ta thường nói có “an cư mới lạc nghiệp”. Để quản lý đất đai, mỗi một quốc gia, dân tộc đều có những quy định riêng để áp dụng. Đối với nước ta, để quản lý đất đai, kể từ thành lập nước cho đến nay, nhà nước đã ban hành các văn bản luật đất đai để áp dụng theo từng thời kỳ gồm: Luật Cải cách ruộng đất năm 1953; Văn bản đầu tiên về đất đai; Luật Đất đai năm 1987: Văn bản Luật Đất đai đầu tiên sau thống nhất đất nước; Luật Đất đai năm 1993: Được sửa đổi, bổ sung vào năm 1998 và năm 2001; Luật Đất đai năm 2003: Thay thế Luật Đất đai năm 1993; Luật Đất đai năm 2013: Có hiệu lực từ 01/07/2014, thay thế Luật Đất đai năm 1993; Luật Đất đai năm 2024: có hiệu lực từ ngày 01/8/2024, thay thế Luật Đất đai năm 2013. Như vậy, tính cả Luật Cải cách ruộng đất 1953, đã có 6 văn bản luật lớn về đất đai được ban hành.

Trong các chế định của Luật Đất đai, thì chế định quản lý nhà nước về đất ở của hộ gia đình, cá nhân luôn được quan tâm nhiều nhất, trong đó bao gồm cả chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, nghĩa vụ tài chính khi thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất... Trong phạm vi bài viết này, tôi xin đề cập đến quy định về tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng

đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

Chuyển mục đích sử dụng đất là việc người sử dụng đất được thay đổi từ mục đích sử dụng đất này sang mục đích sử dụng đất khác theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 156 Luật Đất đai năm 2024, khi chuyển mục đích sử dụng đất thì người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giữa tiền sử dụng đất của loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất và tiền sử dụng đất của loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất. Quy định này được hướng dẫn tại Điều 8 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Theo đó hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng sang đất ở thì tiền sử dụng đất tính như sau:

Tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở bằng (=) Tiền sử dụng đất của loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất trừ (-) Tiền sử dụng đất của các loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất (nếu có).

Trong đó:

- Tiền sử dụng đất của loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất bằng (=) Diện tích đất tính tiền sử dụng đất sau khi chuyển mục đích theo quy định nhân (x) Giá đất tính tiền sử dụng đất theo quy định.

- Tiền sử dụng đất của các loại đất trước khi

chuyển mục đích sử dụng đất (sau đây gọi là tiền đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất) được tính theo quy định như sau: Đối với đất trước khi chuyển mục đích là đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc là đất nông nghiệp có nguồn gốc nhận chuyển nhượng hợp pháp của hộ gia đình, cá nhân khác đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất thì tiền đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất được tính bằng (=) diện tích đất nhân (x) với giá đất của loại đất nông nghiệp tương ứng trong Bảng giá đất theo quy định.

Giá đất để tính tiền đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất là giá đất quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 103/2024/NĐ-CP tính tại thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Tuy nhiên, thực hiện quy định trên, hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở phải đóng tiền sử dụng đất cao nhiều lần so với trước đây, gây khó khăn về tài chính cho người sử dụng đất. Nguyên nhân là do Bảng giá đất được xác định theo Luật Đất đai năm 2024 cao hơn nhiều so với Bảng giá đất cũ (theo Luật Đất đai năm 2013, trong đó giá đất ở tăng cao nhiều lần so với giá đất nông nghiệp). Khắc phục quy định này, ngày 11/12/2025 Quốc hội đã thông qua Nghị quyết 254/2025/QH15 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng 2024, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn 2024, Luật Đầu tư công 2024, Luật Công nghiệp công nghệ số 2025, Luật Thanh tra 2025, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo 2025 và Luật Đường sắt 2025 (sau đây gọi là Luật Đất đai). Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026, trừ điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị quyết 254/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 11/12/2025.

Tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị quyết 254/2025/QH15 quy định: Khi chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm b,c,d,đ,e và g khoản 1 Điều 121 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định sau đây:

Trường hợp đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở được xác định khi công nhận quyền sử dụng đất mà chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở; chuyển từ đất có nguồn gốc là đất vườn, ao gắn liền đất ở nhưng người sử dụng đất tách ra để chuyển quyền sử dụng đất hoặc do đơn vị đo đạc khi đo vẽ bản đồ địa chính trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 đã tự đo đạc tách thành các thửa riêng sang đất ở thì tính tiền sử dụng đất theo mức thu bằng: 30% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở và tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (sau đây gọi tắt là chênh lệch) đối với diện tích đất chuyển mục đích sử dụng trong hạn mức giao đất ở tại địa phương; 50% chênh lệch đối với diện tích đất vượt hạn mức nhưng không quá 01 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương; 100% chênh lệch đối với diện tích đất vượt hạn mức mà vượt quá 01 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương. Mức thu tiền sử dụng đất nêu trên chỉ được tính một lần cho một hộ gia đình, cá nhân (tính trên 01 thửa đất).

Như vậy, từ năm 2026 trở đi, người sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn, ao, đất nông nghiệp sang đất ở thì chỉ phải nộp 30% chênh lệch tiền sử dụng đất trong phạm vi diện tích nằm trong hạn mức hoặc 50% chênh lệch đối với diện tích đất vượt hạn mức nhưng không quá 01 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương. Mức thu này chỉ áp dụng trong trường hợp đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở được xác định khi công nhận quyền sử dụng đất mà chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở; chuyển từ đất có nguồn gốc là đất vườn, ao gắn liền đất ở nhưng người sử dụng đất tách ra để chuyển quyền sử dụng đất hoặc do đơn vị đo đạc khi đo vẽ bản đồ địa chính trước ngày 01/7/2014 đã tự đo đạc tách thành các thửa riêng sang đất ở và chỉ áp dụng một lần cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trên một thửa đất.

Đối với trường hợp người sử dụng đất xin chuyển đất vườn sang đất ở mà diện tích xin chuyển vượt quá 01 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương thì người sử dụng đất sẽ phải nộp 100% chênh lệch tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất vượt hạn mức mà vượt quá 01 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương.

Xã Cửa Việt tăng cường tuyên truyền biển, đảo, nâng cao trách nhiệm bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc

■ PHƯƠNG THIÊN

Phát huy vai trò nòng cốt của hệ thống Mặt trận ở cơ sở, thời gian qua, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam xã Cửa Việt đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền biển, đảo với nhiều hình thức linh hoạt, thiết thực. Qua đó góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của ngư dân, khơi dậy tinh thần yêu nước, trách nhiệm công dân trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc, gắn với phát triển kinh tế biển bền vững.

Xã Cửa Việt là địa phương ven biển có đông ngư dân sinh sống, có truyền thống lâu đời về khai thác, đánh bắt hải sản. Nghề biển không chỉ là sinh kế mà còn là niềm tự hào, gắn bó máu thịt với mỗi người dân nơi đây; phát triển kinh tế biển gắn với trách nhiệm của mỗi công dân trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của nghề cá, tình trạng khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) vẫn còn tiềm ẩn, ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản và uy tín của thủy sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của ngư dân, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Cửa Việt đã chủ động phối hợp với chính quyền, lực lượng biên phòng, các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền biển, đảo. Nội dung tuyên truyền tập trung vào Luật Biển Việt Nam, Luật Thủy sản năm 2017; trách nhiệm của ngư dân khi tham gia khai thác trên biển, các quy định về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), đặc biệt là trách nhiệm của ngư dân trong việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Bên cạnh đó, tuyên truyền các hành vi bị nghiêm cấm như sử dụng chất nổ, xung điện, hóa chất độc hại; xâm

phạm vùng biển nước ngoài; phá hoại nguồn lợi thủy sản; vi phạm khu bảo tồn biển cũng được chú trọng; qua đó ý thức trách nhiệm của ngư dân trong khai thác hợp pháp, bền vững từng bước được nâng cao. Chỉ tính riêng năm 2025 và những tháng đầu năm 2026, toàn xã đã phối hợp tổ chức hơn 20 hội nghị, tập huấn, lồng ghép tuyên truyền chuyên đề cho hơn 1.500 lượt cán bộ, hội viên, đoàn viên và ngư dân; riêng năm 2026 đã phối hợp tổ chức hội nghị tuyên truyền IUU cho gần 100 chủ tàu, thuyền trưởng và ngư dân trực tiếp khai thác hải sản. Thông qua các hội nghị, buổi sinh hoạt khu dân cư, hệ thống loa truyền thanh, mạng xã hội và các mô hình tự quản, pháp luật đã “thấm” dần vào đời sống của người dân. Đặc biệt, các hội nghị tuyên truyền chuyên đề được tổ chức trực tiếp cho chủ tàu, thuyền trưởng và ngư dân đã giúp bà con nắm rõ quy định về vùng khai thác, ghi nhật ký đánh bắt, cập cảng đúng quy định, không vi phạm vùng biển nước ngoài.

Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội đã lồng ghép nội dung biển, đảo vào phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, các cuộc vận động, sinh hoạt chi hội, chi đoàn, sinh hoạt khu dân cư, tuyên truyền trong các câu lạc bộ, mô hình tổ

đoàn kết khai thác trên biển, khu dân cư an toàn, ngư dân bám biển... Đặc biệt, sự tham gia của lực lượng biên phòng trong các hội nghị tuyên truyền không chỉ cung cấp thông tin pháp luật mà còn giải đáp trực tiếp các vướng mắc phát sinh trong quá trình khai thác. Trong tuyên truyền, ủy ban MTTQ Việt Nam xã chú trọng “mềm hóa” nội dung, gắn với đời sống thực tiễn của người dân, tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh, các trang mạng xã hội, các buổi sinh hoạt khu dân cư được tận dụng tối đa để chuyển tải thông tin, tuyên truyền bằng Video, Clip... Nhờ đó, các quy định pháp luật không còn khô khan mà trở nên gần gũi, dễ hiểu, dễ thực hiện. Song song với đó, công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số cũng được đẩy mạnh. Các tin, bài, phóng sự về biển, đảo được đăng tải thường xuyên, góp phần định hướng dư luận, đấu tranh với các thông tin sai trái, xuyên tạc liên quan đến chủ quyền biển, đảo.

Ủy ban MTTQ Việt Nam xã đã gắn tuyên truyền với xây dựng “thế trận lòng dân” trên biển. Thông qua tuyên truyền, ngư dân ngày càng nhận thức rõ vai trò “cột mốc sống” trên biển. Mỗi chuyến vươn khơi không chỉ là hoạt động sản xuất mà còn góp phần khẳng định chủ quyền quốc gia. Cùng với đó, việc vận động ngư dân không sử dụng các phương tiện đánh bắt mang tính hủy diệt; không xâm phạm vùng biển nước ngoài; tích cực bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản... đã từng bước tạo chuyển biến rõ nét trong hành vi. Trong công tác tuyên truyền đã gắn chặt giữa tuyên truyền pháp luật với vận động Nhân dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Bên cạnh đó, các chương trình đồng hành cùng ngư dân như hỗ trợ một số áo phao, vận động cấm cờ Tổ quốc, động viên con em ngư dân, hỗ trợ khi gặp khó khăn, hoạn nạn trên biển... đã góp phần củng cố niềm tin, tạo động lực để bà con yên tâm vươn khơi bám biển.

Công tác tuyên truyền các quy định về biển, đảo đã đi vào chiều sâu, phù hợp với từng đối tượng, đã tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của người dân xã Cửa Việt. Ông Nguyễn Hồng Quân, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Cửa Việt chia sẻ: “Công tác tuyên truyền biển, đảo được chúng tôi xác định là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài. Mặt trận đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng để đưa pháp luật đến với người dân, giúp bà con hiểu, tin và tự giác chấp hành, qua đó góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo”. Ông Nguyễn Thủ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn Hải Lộc cho biết: “Chúng tôi luôn

lựa chọn cách tuyên truyền dễ hiểu, gắn với thực tế địa phương. Khi bà con hiểu rõ thì sẽ tự giác thực hiện, không cần phải nhắc nhở nhiều”. Ông Nguyễn Thu, ngư dân thôn Long An chia sẻ: “Nhờ được tuyên truyền thường xuyên, chúng tôi nắm rõ quy định khi ra khơi, không vi phạm vùng biển nước ngoài, đồng thời cùng nhau bảo vệ nguồn lợi thủy sản, giữ gìn uy tín nghề cá”. Bà Nguyễn Thị Huyền, thôn Long Hà 1, xã Cửa Việt bày tỏ: “Các buổi tuyên truyền rất thiết thực, giúp chúng tôi hiểu rõ hơn về biển, đảo và trách nhiệm của mình, yên tâm lao động sản xuất”.

Việc đẩy mạnh tuyên truyền biển, đảo tại xã Cửa Việt đã mang lại những kết quả tích cực. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của ngư dân được nâng lên rõ rệt; tình trạng vi phạm trong khai thác thủy sản từng bước được hạn chế; môi trường biển và nguồn lợi thủy sản được quan tâm bảo vệ; tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo được lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng. Mỗi người dân, mỗi ngư dân đã và đang trở thành một “chiến sĩ” trên mặt trận bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc.

Trong thời gian tới, xã Cửa Việt tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, hiệu quả, chú trọng ứng dụng công nghệ số, tận dụng các nền tảng mạng xã hội, hệ thống truyền thanh cơ sở và các kênh thông tin trực tuyến để tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo. Đồng thời, phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, lực lượng cốt cán ở khu dân cư, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Cùng với đó, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả trong tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật gắn với thực tiễn đời sống ven biển; tăng cường lồng ghép nội dung tuyên truyền biển, đảo với các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội phát động. Chú trọng tuyên truyền về chủ quyền quốc gia trên biển, khai thác, đánh bắt thủy sản đúng quy định, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và môi trường biển. Thông qua đó, không chỉ góp phần nâng cao nhận thức pháp luật, ý thức trách nhiệm của cán bộ và Nhân dân, mà còn tạo nền tảng vững chắc để phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc nơi vùng biển, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

CHÀO MỪNG THÀNH CÔNG NGÀY BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031, NGÀY HỘI CỦA NON SÔNG, NGÀY HỘI CỦA NHÂN DÂN QUẢNG TRỊ

■ TRẦN CÔNG TRUNG

Trong không khí phấn khởi của những ngày đầu năm 2026, tỉnh Quảng Trị đã khẩn trương bước vào giai đoạn nước rút chuẩn bị cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026–2031. Đây không chỉ là đợt vận động chính trị sâu rộng mà còn là ngày hội để mỗi cử tri Quảng Trị gửi gắm niềm tin, lựa chọn những người đủ đức, đủ tài vào cơ quan quyền lực nhà nước. Để triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ cho cuộc bầu cử, ngay từ đầu năm 2026, Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Quảng Trị đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ quan trọng như:

Thứ nhất, xác định tâm quan trọng và bối cảnh lịch sử

Cuộc bầu cử nhiệm kỳ 2026–2031 diễn ra trong bối cảnh tỉnh Quảng Trị đang nỗ lực hiện thực hóa các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I. Với mục tiêu phấn đấu đến năm 2045 đưa Quảng Trị trở thành tỉnh phát triển khá, là trung tâm năng lượng logistic và du lịch của cả nước, việc kiện toàn bộ máy chính quyền địa phương thông qua bầu cử là nhiệm vụ then chốt.

HĐND tỉnh đóng vai trò “trụ cột” trong việc cụ thể hóa các quyết sách của Trung ương và Tỉnh ủy thành những nghị quyết sát sườn với đời sống dân sinh. Vì vậy, công tác chuẩn bị bầu cử được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh và Ủy ban Bầu cử (UBBC) tỉnh.

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống tổ chức và chỉ đạo quyết liệt

Ngay từ cuối năm 2025, HĐND tỉnh Quảng Trị đã phối hợp cùng UBND tỉnh và Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh thành lập hệ thống các tổ chức phụ trách bầu cử từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trong đó, Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đứng đầu, đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng; Ủy ban Bầu cử tỉnh do đồng chí Chủ tịch HĐND tỉnh làm Chủ tịch, chịu trách nhiệm trực tiếp về nghiệp vụ, quy trình và tổ chức thực hiện; thành lập các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI; thành lập Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử của đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

Quảng Trị nhiệm kỳ 2026 – 2031 hoạt động hết công suất để đảm bảo không có sai sót trong từng khâu nhỏ nhất.

Thứ ba, về công tác nhân sự: Chọn người “có tâm - có tầm”. Đây là khâu quan trọng nhất, quyết định chất lượng hoạt động của HĐND trong 5 năm tới. HĐND tỉnh Quảng Trị đặc biệt chú trọng đến việc đảm bảo cơ cấu, thành phần nhưng không hạ thấp tiêu chuẩn.

Đến ngày 11/02/2026, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Trị đã tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ ba để lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội Khóa XVI và đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2026 – 2031.

Thứ tư, đổi mới hình thức tuyên truyền và vận động bầu cử

Tại Quảng Trị, công tác tuyên truyền được triển khai thực hiện với nhiều hình thức phong phú, đa dạng và sinh động. Ngoài các hình thức chung như: đăng tải tin, bài về các vấn đề liên quan đến công tác bầu cử trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh Quảng Trị, Facebook, Fanpage, Zalo, Youtube; TikTok để tuyên truyền, PBGDPL về bầu cử cho cán bộ và Nhân dân trên địa bàn tỉnh,... tỉnh Quảng Trị còn linh hoạt áp dụng các hình thức tuyên truyền, vận động phù hợp với từng địa bàn. Trong đó:

Đối với vùng đồng bằng và đô thị, đẩy mạnh tuyên truyền qua các ứng dụng mạng xã hội, bảng điện tử và các ứng dụng chính quyền điện tử.

Đối với vùng biển, cán bộ biên phòng và các tổ đội tuyên truyền xuống tận âu tàu, bến bãi để hướng dẫn ngư dân về thời gian và cách thức bỏ phiếu, đảm bảo quyền lợi của những người thường xuyên vượt khơi bám biển.

Đối với, vùng sâu, vùng xa, sử dụng và phát huy hiệu quả hệ thống loa truyền thanh cơ sở, trong đó có sử dụng tiếng dân tộc, các buổi sinh hoạt cộng đồng tại nhà rông, nhà sàn để bà con nắm rõ tiểu sử của ứng cử viên.

Thứ năm, đảm bảo an ninh và cơ sở vật chất

HĐND tỉnh đã chỉ đạo rà soát kỹ lưỡng các điểm bỏ phiếu trên địa bàn tỉnh. Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp bảo vệ tuyệt đối an toàn cho các hòm phiếu và khu vực bỏ phiếu. Triển khai phần mềm quản lý thông tin cử tri và cập nhật tiến độ bầu cử theo thời gian thực, giúp công tác tổng hợp kết quả nhanh chóng, chính xác hơn.

Với sự chuẩn bị chu đáo, bài bản và sự đồng thuận cao trong toàn hệ thống chính trị, kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2026 – 2031 đã thành công tốt đẹp. Số cử tri trên địa bàn tỉnh là 1.163.388 người, tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 99,87% trên tổng số cử tri, trong đó có 51/78 xã, phường, đặc khu có tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 100%, 100% xã, phường, đặc khu có tỷ lệ cử tri đi bầu đạt trên 98%.

Ngày 15/3/2026 – ngày hội của non sông, Nhân dân tỉnh Quảng Trị đã tích cực hưởng ứng cuộc bầu cử với tinh thần vui tươi, phấn khởi tham gia đi bầu cử; không khí tại các địa phương vô cùng hân hoan, hào hứng. Nhiều cử tri, đặc biệt là những cử tri lần đầu tham gia bầu cử cảm thấy rất phấn khởi và tự hào khi thực hiện nghĩa vụ công dân của mình. Hy vọng trong nhiệm kỳ này, các đại biểu sẽ phát huy hết khả năng của mình để nói lên ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, góp phần thúc đẩy tỉnh Quảng Trị ngày càng phát triển, xứng đáng là người đại biểu của Nhân dân.

Một số kết quả trong thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 1 tỉnh Quảng Trị

■ PHAN TRỌNG HÙNG

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của quốc gia, là điều kiện tiên quyết để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc. Để triển khai nhiệm vụ này, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57). Đây là văn kiện quan trọng nhằm thúc đẩy mạnh mẽ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết xác định đây là những động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu và đưa đất nước phát triển bứt phá trong kỷ nguyên mới.

Thời gian qua, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 1 tỉnh Quảng Trị (Trung tâm) đã tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể viên chức, người lao động các nghị quyết, kế hoạch của Trung ương, Chính phủ và UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các nội dung Nghị quyết số 57; Kế hoạch hành động số 206-KH/TU ngày 21/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (cũ); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung cập nhật Chương trình hành

động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kế hoạch số 429/KH-UBND ngày 30/01/2026 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị năm 2026, Kế hoạch số 744/KH-STP ngày 10/3/2026 của Sở Tư pháp Quảng Trị về thực hiện chuyển đổi số năm 2026. Trên cơ sở đó, trong Quý I năm 2026, Trung tâm đã được một số kết quả cụ thể như sau:

Trong công tác phổ biến, quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác chuyển đổi số, thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng, hội nghị, sinh hoạt chi bộ, Trung tâm đã tổ chức tuyên truyền, quán triệt, triển khai kịp thời đến toàn thể viên chức và người lao động nắm rõ tầm quan trọng của các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng cũng như quy định của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Điều này góp phần hình thành nhận thức đúng đắn và sâu sắc, tạo động lực thúc đẩy sự chủ động, sáng tạo trong công việc, đồng thời nâng cao trách nhiệm trong việc triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công tác chuyển đổi số tại đơn vị. Trung tâm đã phổ biến, quán triệt đến toàn thể viên chức và người lao động tích cực tham gia tiện ích an sinh xã hội trên ứng dụng VneID. Kết quả 100% viên chức, người lao động thuộc Trung tâm đã tiến hành thực hiện cài đặt, tích hợp tài khoản hưởng an sinh xã hội trên ứng dụng VneID. Đồng thời, đã tuyên truyền, quán triệt đến viên chức, người lao động tích cực tuyên truyền, hướng dẫn người

thân, gia đình... thực hiện đăng ký tài khoản hưởng an sinh xã hội trên ứng dụng VNelD.

Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản, Trung tâm đã triển khai đến viên chức và người lao động thực hiện đăng ký tham gia các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên Nền tảng “Bình dân học vụ số”; triển khai đến toàn thể viên chức tham gia đầy đủ khoá học “Hướng dẫn sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính” trên Nền tảng Bình dân học vụ số.

Trong công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trong Quý I năm 2026 công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã tiếp nhận, giải quyết 63 hồ sơ TTHC, trong đó có 63/63 hồ sơ phát sinh cung cấp dịch vụ công trực tuyến (đạt tỷ lệ 100%); tất cả các TTHC đều được thực hiện đúng trình tự, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, số hoá và lưu kho đầy đủ; không có trường hợp nào vi phạm về thời hạn giải quyết và không có phản ánh về việc thực hiện TTHC trong lĩnh vực TGPL.

Trong xây dựng và hoàn thiện, khai thác các cơ sở dữ liệu chuyên ngành: Trung tâm đã cập nhật 63 vụ việc TGPL vào phần mềm Hệ thống Quản lý tổ chức và hoạt động GPL do Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và TGPL triển khai.

Về kết quả rà soát, tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, Trung tâm đã thực hiện TTHC theo hướng đơn giản, thuận tiện cho tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động TGPL; đảm bảo tính hợp lý, hiệu quả, minh bạch và công bằng trong giải quyết vụ việc TGPL; thực hiện nghiêm túc các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung tâm đã được công bố và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các TTHC đó. Tiến hành niêm yết công khai các Danh mục TTHC theo Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 công bố Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực TGPL thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp. Bên cạnh đó, Trung tâm đã tiến hành rà soát, tham mưu Lãnh đạo Sở Tư pháp trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định 514/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 phê duyệt sửa đổi, bổ sung quy trình thực diện dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực TGPL thuộc thẩm quyền giải quyết của

Sở Tư pháp và Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Trị; thực hiện niêm yết quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến đối với 12 TTHC trong lĩnh vực TGPL tại Trung tâm.

Xác định việc ứng dụng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nhiệm vụ then chốt, trong thời gian tới, trên cơ sở thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại các kế hoạch của UBND, của Sở Tư pháp và các lĩnh vực được giao tham mưu phụ trách, Trung tâm tiếp tục nghiên cứu tham mưu để đề xuất các sáng kiến, giải pháp, cách làm hay, đổi mới công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Trung tâm. Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về ứng dụng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về vai trò, ý nghĩa của công tác ứng dụng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể viên chức, người lao động thuộc Trung tâm tham gia kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia (bằng cách sử dụng Zalo và thực hiện quét mã QR) để cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số nhằm phục vụ công tác.

Bên cạnh đó, Trung tâm tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện, phát triển hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất bảo đảm đồng bộ, hiện đại phục vụ nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số phù hợp với điều kiện của đơn vị; sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Quảng Trị; duy trì khai thác các phần mềm chuyên ngành trong lĩnh vực tư pháp từ Bộ Tư pháp, Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và TGPL; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động về kiến thức công nghệ thông tin cơ bản, kỹ năng số, kỹ năng khai thác internet và ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên dụng.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SÁT ĐẤU GIÁ TÀI SẢN KÊ BIÊN

■ HÀ LINH

Theo quy định tại Điều 2 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (viết tắt là Luật TCVKSND) thì Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. VKSND có nhiệm vụ bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND được quy định tại Điều 4 Luật TCVKSND. Theo đó, kiểm sát hoạt động tư pháp là hoạt động của VKSND để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự; trong việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật. Kiểm sát việc thi hành án là một trong những chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân, của Kiểm sát viên, kiểm tra viên được phân công theo thẩm quyền. Hoạt động kiểm sát việc thi hành án bao gồm nhiều giai đoạn từ ra quyết định thụ lý việc thi hành án cho đến khi kết thúc việc thi hành án.

Trường hợp kê biên, đấu giá tài sản đảm bảo việc thi hành án thì việc kê biên, đấu giá tài sản cũng là một trong những nội dung kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên.

Việc kiểm sát hoạt động đấu giá tài sản thi hành án nhằm bảo đảm hoạt động đấu giá tài sản thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong thi hành án dân sự. Phạm vi kiểm sát hoạt động đấu giá tài sản thi hành án được thực hiện từ khi Chấp hành viên lập hồ sơ đấu giá tài sản thi hành án cho đến khi thực hiện xong việc đấu giá, bàn giao tài sản cho người trúng đấu giá. Đối tượng kiểm sát là việc tuân theo pháp luật của Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, tổ chức bán đấu giá tài sản, Đấu giá viên, người tham gia đấu giá tài sản thi hành án.

Như vậy, kiểm sát việc thực hiện đấu giá tài sản thi hành án là một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát, kiểm sát viên. Hiện nay hoạt động kiểm sát việc đấu giá tài sản kê biên đang thực hiện theo Quy định về quy trình, kỹ năng kiểm sát hoạt động bán đấu giá tài sản thi hành án ban hành kèm theo Quyết định số 308/QĐ-VKSTC ngày 29/8/2023 của Viện trưởng VKSND tối cao. Những nội dung nào của Quyết định số 308/QĐ-VKSTC không còn phù hợp với Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024 thì được thực hiện theo Luật Đấu giá sửa đổi. Theo đó, khi kiểm sát việc bán đấu giá tài sản kê biên, Kiểm sát viên, kiểm tra viên (gọi chung

hoạt động kiểm sát) được thực hiện từ khi lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản cho đến khi bàn giao tài sản đấu giá cho người mua được tài sản đấu giá, trong đó có các nội dung chính sau:

Một là, kiểm sát hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản kê biên

Việc kiểm sát hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản kê biên tập trung vào các nội dung: Kiểm sát về thời hạn Chấp hành viên thực hiện ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản thi hành án; xem xét thời hạn có hiệu lực của kết quả thẩm định giá tài sản thi hành án tại thời điểm ký Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản (được ghi trong Chứng thư thẩm định giá). Kiểm sát về nội dung của Hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản thi hành án theo quy định tại Điều 33 Luật Đấu giá tài sản đã được sửa đổi, bổ sung năm 2024 (gọi chung là Luật Đấu giá tài sản), chú trọng một nội dung sau: Tài liệu thể hiện khi ký Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thi hành án; chủ thể ký kết hợp đồng; các thông tin về tài sản bán đấu giá trong Hợp đồng; ghi nhận về tình trạng pháp lý của tài sản bán đấu giá và việc thu giữ Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản...; giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá; tiền đặt trước; bước giá; hình thức đấu giá; phương thức trả giá; thời hạn, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá; thanh toán tiền mua tài sản... và một số nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Hai là, kiểm sát quy chế cuộc đấu giá tài sản kê biên

Kiểm sát quy chế cuộc đấu giá tài sản kê biên tập trung vào kiểm sát thời hạn ban hành Quy chế cuộc đấu giá tài sản thi hành án áp dụng cho từng cuộc đấu giá và được ban hành trước ngày niêm yết đấu giá tài sản thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Đấu giá tài sản. Kiểm sát nội dung Quy chế cuộc đấu giá tài sản thi hành án có thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Đấu giá tài sản hay không; giá khởi điểm của tài sản đấu giá; thời gian, địa điểm

xem tài sản đấu giá; thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá và thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá; quy định về tiền đặt trước và xử lý tiền đặt trước; quy định về hình thức đấu giá, phương thức đấu giá có phù hợp với các quy định tại Điều 8, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Đấu giá tài sản hay không.

Ba là, kiểm sát việc niêm yết việc đấu giá tài sản kê biên

Kiểm sát việc thực hiện niêm yết việc đấu giá tài sản thi hành án theo quy định tại Điều 35 và Điều 53 Luật Đấu giá tài sản. Trong đó tập trung: Xem xét các tài liệu thể hiện về địa điểm niêm yết và thời gian niêm yết việc đấu giá tài sản; các thông tin niêm yết việc đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Đấu giá tài sản; việc tổ chức hành nghề đấu giá lưu các tài liệu, hình ảnh thực hiện niêm yết việc đấu giá tài sản. Đối với trường hợp niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có bất động sản thì phải xem xét việc lưu tài liệu, hình ảnh về việc niêm yết hoặc việc lập văn bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc niêm yết theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Luật Đấu giá tài sản.

Bốn là, kiểm sát việc thông báo công khai việc đấu giá tài sản kê biên

Nội dung kiểm sát tập trung vào kiểm sát việc tổ chức hành nghề đấu giá thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Đấu giá tài sản gồm các tài liệu chứng minh việc đăng thông báo như: Hợp đồng đăng báo in hoặc báo hình; xem xét Hóa đơn thu tiền dịch vụ thông báo; nếu là thông báo trên báo in cần xem xét 02 số báo in được lưu trong hồ sơ có đăng tin thông báo về đấu giá tài sản; bản chụp đăng tải trên trang thông tin điện tử đấu giá tài sản quốc gia. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá thực hiện thông báo việc đấu giá tài sản trên các Tờ, Bản tin không phải là báo in, báo hình do Cơ quan quản lý báo chí có thẩm quyền cấp phép hoạt động được xác định là vi

phạm quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Đấu giá tài sản.

Kiểm sát việc tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện thông báo công khai bán đấu giá lại tài sản trong trường hợp đã bán đấu giá lần thứ hai trở đi nhưng vẫn không thành theo thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Đấu giá tài sản.

Năm là, kiểm sát việc bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá tài sản kê biên, việc thu, quản lý, xử lý khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá

Kiểm sát việc tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện bán hồ sơ tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản; điều kiện đăng ký tham gia đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản và yêu cầu tại Quy chế cuộc đấu giá tài sản; chú ý xem xét đối với các trường hợp pháp luật có liên quan quy định về điều kiện bắt buộc của người tham gia đấu giá tài sản thi hành án

Kiểm sát việc thu, quản lý, xử lý khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá tập trung vào kiểm sát việc tổ chức bán đấu giá thực hiện việc thu tiền đặt trước của người tham gia đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản; việc xử lý tiền đặt trước của người tham gia đấu giá tài sản thi hành án theo quy định tại khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản.

Sáu là, kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Đấu giá viên, Chấp hành viên và người tham gia đấu giá trong thực hiện đấu giá tài sản

Kiểm sát việc Đấu giá viên thực hiện trình tự, thủ tục tổ chức, điều hành cuộc đấu giá tài sản thi hành án theo quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 43a, Điều 43b và Điều 44 Luật Đấu giá tài sản (tùy theo hình thức, phương thức đấu giá được giao kết trong Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản); kiểm sát các quy định trong Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thi hành án và Quy chế cuộc đấu giá tài sản thi

hành án. Trong đó, cần chú ý nghiên cứu hồ sơ, tài liệu để kiểm sát chặt chẽ việc Đấu giá viên thực hiện quy trình điều hành việc đăng ký, trả giá và tuyên bố người trúng đấu giá tài sản.

Kiểm sát việc người tham gia đấu giá tài sản thực hiện việc trả giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Đấu giá tài sản, trả giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Đấu giá tài sản và trả giá bằng bỏ phiếu gián tiếp theo quy định Điều 43 Luật Đấu giá tài sản.

Trường hợp tham gia kiểm sát tại cuộc đấu giá tài sản thi hành án cần quan sát diễn biến quá trình tổ chức cuộc đấu giá; chú ý kiểm sát chặt chẽ việc tổ chức bán đấu giá tài sản và Đấu giá viên xử lý, giải quyết các tình huống phát sinh tại cuộc đấu giá tài sản thi hành án như: giải quyết việc khiếu nại, thắc mắc của những người tham gia đấu giá; việc sử dụng điện thoại tại cuộc đấu giá; người đi theo người tham gia đấu giá;... kịp thời phát hiện hành vi thông đồng, dìm giá tại cuộc đấu giá. Kiểm sát việc Đấu giá viên tổng hợp các nội dung đưa vào biên bản đấu giá; nội dung biên bản đấu giá phải phản ánh đúng, đầy đủ diễn biến cuộc đấu giá theo quy định tại Điều 44 Luật Đấu giá tài sản.

Tại cuộc đấu giá tài sản thi hành án, nếu phát hiện vi phạm của tổ chức hành nghề đấu giá, Đấu giá viên và những người tham gia đấu giá thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công phải yêu cầu Chấp hành viên thực hiện quyền của người có tài sản đấu giá để yêu cầu tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá dừng việc tổ chức đấu giá theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 47 Luật Đấu giá tài sản.

Bảy là, kiểm sát việc đấu giá tài sản kê biên trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá

(Xem tiếp trang 31)

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật gây ra

■ THU HƯƠNG

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, sự an toàn của sản phẩm hàng hóa không chỉ là thước đo uy tín của doanh nghiệp mà còn là nền tảng bảo đảm quyền lợi cốt lõi, sự an tâm cho sức khỏe và tài sản của mỗi người dân. Một thị trường văn minh chỉ có thể vận hành bền vững khi các chủ thể kinh doanh luôn đặt trách nhiệm lên hàng đầu và sẵn sàng đối diện với những hệ quả pháp lý phát sinh từ những sai sót không mong muốn. Để hiện thực hóa mục tiêu bảo vệ người tiêu dùng một cách toàn diện, pháp luật hiện hành, đặc biệt là Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023, đã thiết lập một hành lang pháp lý chặt chẽ nhằm xác định rõ trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi rủi ro từ sản phẩm khuyết tật xuất hiện.

Trước hết, tính nghiêm minh của pháp luật được thể hiện thông qua các quy định cụ thể về nghĩa vụ bồi thường của đơn vị kinh doanh. Theo đó: Tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật do mình cung cấp gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng, kể cả khi tổ chức, cá nhân đó không biết hoặc không có lỗi trong việc phát sinh khuyết tật, trừ các trường hợp (1) khi chứng minh được khuyết tật của sản phẩm, hàng hóa không thể phát hiện được với trình độ khoa học, công nghệ của thế giới tính đến thời điểm sản phẩm, hàng hóa gây thiệt hại; (2) Tổ chức, cá nhân kinh doanh đã áp dụng đầy

đủ các biện pháp quy định tại Điều 32 và Điều 33 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, người tiêu dùng đã tiếp nhận đầy đủ thông tin nhưng vẫn cố ý sử dụng sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật gây thiệt hại; (3) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Để việc bồi thường không bị đứt quãng và người tiêu dùng luôn có đầu mối chịu trách nhiệm, pháp luật đã khoanh vùng cụ thể các chủ thể liên quan trong chuỗi cung ứng. Các đối tượng này bao gồm: Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm, hàng hóa; tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa; tổ chức, cá nhân gắn tên thương mại lên sản phẩm, hàng hóa hoặc sử dụng nhãn hiệu, chỉ dẫn thương mại khác cho phép nhận biết đó là tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa; tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động trung gian thương mại đối với sản phẩm, hàng hóa; tổ chức, cá nhân trực tiếp cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân khác chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hóa theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Sự chặt chẽ còn thể hiện ở chỗ, trường hợp không xác định được tổ chức, cá nhân kinh doanh, sản xuất sản phẩm, hàng hóa; nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa; gắn tên thương mại lên sản phẩm, hàng hóa hoặc sử dụng nhãn hiệu, chỉ dẫn thương mại khác cho phép nhận biết đó là tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản

phẩm, hàng hóa; thực hiện hoạt động trung gian thương mại đối với sản phẩm, hàng hóa và tổ chức, cá nhân khác chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hóa theo quy định khác của pháp luật có liên quan thì tổ chức, cá nhân kinh doanh trực tiếp cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho người tiêu dùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đặc biệt, trường hợp nhiều tổ chức, cá nhân kinh doanh cùng gây thiệt hại thì các tổ chức, cá nhân kinh doanh đó phải liên đới bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng; đồng thời việc bồi thường thiệt hại được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo tính công bằng và khuyến khích sự phát triển của khoa học công nghệ, pháp luật cũng xác định rõ các giới hạn miễn trừ trách nhiệm. Cụ thể, các đơn vị kinh doanh sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây: Khi chứng minh được khuyết tật của sản phẩm, hàng hóa không thể phát hiện được với trình độ khoa học, công nghệ của thế giới tính đến thời điểm sản phẩm, hàng hóa gây thiệt hại; Tổ chức, cá nhân kinh doanh đã áp dụng đầy đủ các biện pháp quy định tại Điều 32 và Điều 33 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, người tiêu dùng đã tiếp nhận đầy đủ thông tin nhưng vẫn cố ý sử dụng sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật gây thiệt hại; Trường hợp khác theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Đối với trách nhiệm trong việc cung cấp dịch vụ không đúng nội dung đã đăng ký, thông báo, công bố, niêm yết, quảng cáo, giới thiệu, giao kết, cam kết được quy định cụ thể:

Trong trường hợp cung cấp dịch vụ không đúng nội dung đã đăng ký, thông báo, công bố, niêm yết, quảng cáo, giới thiệu, giao kết, cam kết tại thời điểm dịch vụ đó được cung cấp, tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm thỏa thuận với người tiêu dùng để thực hiện một hoặc một số biện pháp khắc phục sau đây: Cung cấp lại dịch vụ; Tiếp tục cung cấp dịch vụ

nhưng không thu tiền hoặc giảm giá đối với phần dịch vụ đã cung cấp; Chấm dứt việc cung cấp dịch vụ và hoàn tiền cho người tiêu dùng; Biện pháp khác theo thỏa thuận của các bên.

Trong quá trình này, tổ chức, cá nhân kinh doanh chịu các chi phí trong việc thực hiện các biện pháp khắc phục. Đồng thời, người tiêu dùng có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại trong trường hợp dịch vụ cung cấp không đúng nội dung đã đăng ký, thông báo, công bố, niêm yết, quảng cáo, giới thiệu, giao kết, cam kết gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Tổ chức, cá nhân kinh doanh được miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi chứng minh được việc cung cấp dịch vụ không đúng nội dung đã đăng ký, thông báo, công bố, niêm yết, quảng cáo, giới thiệu, giao kết, cam kết không thể phát hiện được với trình độ khoa học, công nghệ của thế giới tại thời điểm tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp dịch vụ cho người tiêu dùng hoặc thuộc trường hợp miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại khác theo quy định của pháp luật. Việc bồi thường thiệt hại được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Như vậy, việc xác lập hệ thống quy định nghiêm ngặt về trách nhiệm bồi thường đối với sản phẩm khuyết tật và dịch vụ không đúng cam kết không chỉ đơn thuần là các chế tài pháp lý, mà còn là thước đo về đạo đức và sự phát triển bền vững của mỗi doanh nghiệp. Một môi trường kinh doanh minh bạch và công bằng chỉ có thể được tạo dựng khi các tổ chức, cá nhân kinh doanh không chỉ theo đuổi lợi nhuận mà còn đặt quyền được an toàn và quyền được tôn trọng của người tiêu dùng lên vị trí ưu tiên hàng đầu. Việc nắm vững và thực thi nghiêm túc những quy định này chính là chìa khóa để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dân, đồng thời thúc đẩy các nhà cung ứng không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, góp phần xây dựng một thị trường văn minh, tin cậy và bền vững cho tương lai.

(1) Điều 36 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2003.

VAI TRÒ CỦA VIỆC TẬP HUẤN KỸ NĂNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ CHO HÒA GIẢI VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

■ HOÀNG NAM

Quảng Trị, một tỉnh miền Trung với những nét đặc trưng về văn hóa, lịch sử và sự đan xen của các cộng đồng dân cư, luôn coi trọng vai trò của việc hòa giải ở cơ sở. Bởi vì, hòa giải ở cơ sở là phương thức giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn nhỏ trong nội bộ Nhân dân một cách hiệu quả, nhanh chóng, kịp thời giữ gìn tình làng nghĩa xóm và củng cố khối đại đoàn kết; giúp giảm áp lực cho cơ quan nhà nước cấp trên; góp phần nâng cao hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật; giúp tiết kiệm thời gian, vật chất, nhân lực... Trong công tác này, đội ngũ hòa giải viên chính là lực lượng nòng cốt, những “cầu nối” quan trọng giúp lan tỏa tinh thần thượng tôn pháp luật và xây dựng cộng đồng yên bình. Tuy nhiên, để thực hiện sứ mệnh này một cách hiệu quả, việc tập huấn kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho đội ngũ hòa giải viên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đóng vai trò đặc biệt quan trọng và mang tính quyết định. Có thể khái quát dưới một số khía cạnh như sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hòa giải. Vai trò đầu tiên và cơ bản nhất của công tác tập huấn là nâng cao kiến thức pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ cho các hòa giải viên. Trong đó chú trọng một số nội dung như:

Một là, chuẩn hóa kiến thức pháp luật. Hoạt động hòa giải ở cơ sở phải dựa trên cơ sở pháp luật để đảm bảo tính công bằng và hợp pháp cho các bên. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật luôn thay đổi và phải thường xuyên được cập nhật. Vì vậy, thông qua các lớp tập huấn giúp hòa giải viên cập nhật các luật mới có hiệu lực thi hành, đặc biệt là các lĩnh vực thường xảy ra tranh chấp như: đất đai, hôn nhân và gia đình, thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định về phòng chống bạo lực gia đình, thừa kế. Cũng thông qua lớp tập huấn, giúp hòa giải viên hiểu rõ quy trình, thủ tục hòa giải theo Luật Hòa giải ở cơ sở, đảm bảo việc hòa giải được tiến hành đúng quy định, tránh sai sót dẫn đến khiếu kiện phức tạp; vận

dụng pháp luật linh hoạt vào các tình huống cụ thể, giúp các bên tranh chấp nhận thức rõ về quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình.

Hai là, hoàn thiện kỹ năng hòa giải chuyên nghiệp. Kiến thức pháp luật là nền tảng nhưng kỹ năng hòa giải mới là yếu tố then chốt tạo nên sự thành công. Thông qua tập huấn sẽ cung cấp cho hòa giải viên những kỹ năng thiết yếu như: kỹ năng tiếp cận thông tin về vụ, việc hòa giải và nhu cầu của các bên; kỹ năng tìm mâu thuẫn, xung đột lợi ích cốt lõi, nguyên nhân chủ yếu; kỹ năng tra cứu, tham khảo, vận dụng pháp luật, phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; kỹ năng tổ chức, điều hành, kiểm soát buổi hòa giải; kỹ năng tư vấn, hướng dẫn, giải thích, thuyết phục, vận động các bên tự thỏa thuận, dàn xếp mâu thuẫn, tranh chấp; kỹ năng ghi chép biên bản, sổ theo dõi hoạt động, lập văn bản hòa giải thành, văn bản hòa giải không thành... trong đó, đặc biệt giúp hòa giải viên có kỹ năng lắng nghe tích cực và thấu hiểu để nắm bắt được cốt lõi vấn đề, nguyên nhân sâu xa của mâu thuẫn và tâm tư, nguyện vọng của các bên; kỹ năng giao tiếp và thuyết phục thông qua việc biết cách truyền đạt thông tin một cách rõ ràng, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với văn hóa địa phương (thấu tình đạt lý), khơi gợi sự tự nguyện hợp tác từ các bên và kỹ năng kiểm soát cảm xúc và xử lý tình huống khó, đặc biệt trong các vụ việc phức tạp, nhạy cảm hoặc liên quan đến bạo lực, tập huấn giúp họ giữ vững thái độ trung lập, bình tĩnh và có phương pháp tiếp cận phù hợp...

Nhờ được trang bị đầy đủ về cả lý và tình, các hòa giải viên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có thể xử lý các vụ việc một cách thấu đáo hơn, từ đó tăng tỷ lệ hòa giải thành (hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã đạt trên 80%) và giảm thiểu tình trạng khiếu kiện vượt cấp.

Thứ hai, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội. Có thể khái quát thành hai ý nghĩa quan trọng như sau:

Một là, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật. Khi mâu thuẫn, tranh chấp được giải

quyết kịp thời, dứt điểm ngay tại cộng đồng thì những mâu thuẫn, tranh chấp đó sẽ không có cơ hội leo thang thành các hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng hơn như bạo lực, gây rối trật tự hoặc vi phạm pháp luật hình sự. Tập huấn giúp hòa giải viên nhận diện sớm các dấu hiệu tiềm ẩn của mâu thuẫn, tranh chấp từ đó phòng ngừa hiệu quả, góp phần giữ vững trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở.

Hai là, xây dựng ý thức thượng tôn pháp luật. Trong quá trình hòa giải, các hòa giải viên đóng vai trò là những người tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật một cách trực tiếp và tự nhiên nhất. Họ không chỉ giải quyết mâu thuẫn mà còn giải thích pháp luật có liên quan, giúp người dân hiểu rõ hơn về các quy định của Nhà nước. Đặc biệt, ở các vùng nông thôn, miền núi của tỉnh Quảng Trị, nơi người dân còn chịu ảnh hưởng của tâm lý tiểu nông và lệ làng, việc hòa giải viên trực tiếp “đưa luật về làng” có sức thấm thía sâu sắc. Sự hiểu biết pháp luật được nâng cao chính là cơ sở vững chắc để người dân tự giác tuân thủ pháp luật, góp phần xây dựng xã hội dân chủ, văn minh.

Thứ ba, củng cố đoàn kết cộng đồng và phát huy giá trị truyền thống. Tập huấn kỹ năng hòa giải giúp các hòa giải viên phát huy tối đa vai trò là cầu nối bền chặt trong cộng đồng. Trong đó:

Một là, gìn giữ tình làng, nghĩa xóm. Hoạt động hòa giải không chỉ là giải quyết về mặt pháp lý mà còn là vun đắp các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp. Tập huấn nhấn mạnh việc vận dụng các quy phạm đạo đức, phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương vào quá trình hòa giải. Bằng sự khéo léo và uy tín được đào tạo, hòa giải viên giúp các bên xung đột nhận ra giá trị của sự nhường nhịn, tha thứ và tầm quan trọng của mối quan hệ gia đình, láng giềng. Khi hòa giải thành, không chỉ vụ việc được giải quyết mà tình cảm, đoàn kết trong nội bộ Nhân dân cũng được củng cố và phát huy.

Hai là, nâng cao uy tín và vị thế hòa giải viên. Việc được tham gia các lớp tập huấn chuyên

nghiệp, cập nhật kiến thức thường xuyên là sự đầu tư và ghi nhận của chính quyền tỉnh Quảng Trị đối với đội ngũ hòa giải viên. Điều này giúp tăng cường sự tự tin cho hòa giải viên khi đối diện với các vụ việc phức tạp; nâng cao uy tín của Tổ hòa giải và bản thân hòa giải viên trong cộng đồng, khiến người dân tin tưởng tìm đến hòa giải thay vì khiếu kiện; góp phần xây dựng đội ngũ hòa giải viên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo hướng gọn nhẹ, chất lượng, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong giai đoạn mới.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả, phát huy tối đa vai trò của tập huấn kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên, tỉnh Quảng Trị cần chú trọng các giải pháp như sau:

Một là, đa dạng hóa hình thức tập huấn. Không chỉ là hội nghị mà còn là các buổi trao đổi kinh nghiệm, tình huống thực tế, nói chuyện pháp luật, thi Hòa giải viên giỏi để tăng tính tương tác và thực hành kỹ năng.

Hai là, chủ động bố trí và đảm bảo kinh phí. Cần có sự quan tâm đúng mức từ chính quyền các cấp để đảm bảo kinh phí cho việc in ấn tài liệu, mời giảng viên, tổ chức lớp tập huấn một cách thường xuyên, liên tục.

Ba là, tăng cường phối hợp liên ngành. Sở Tư pháp cần phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng và giám sát hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Bốn là, lồng ghép nội dung đặc thù. Ngoài kiến thức pháp luật chung, cần lồng ghép các nội dung liên quan đến văn hóa, phong tục, tập quán và những vấn đề nổi cộm thường xảy ra tranh chấp tại địa bàn tỉnh Quảng Trị (như tranh chấp đất đai, hôn nhân gia đình).

Việc tập huấn kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị không chỉ là một nhiệm vụ mang tính hành chính mà còn là một chiến lược đầu tư vào nguồn lực con người và sự ổn định của xã hội. Nó đóng vai trò then chốt trong việc giảm thiểu tranh chấp, phòng ngừa vi phạm pháp luật và củng cố khối đại đoàn kết trong cộng đồng dân cư. Bằng việc tiếp tục chú trọng và triển khai hiệu quả công tác tập huấn, tỉnh Quảng Trị sẽ xây dựng được một lực lượng hòa giải viên vững mạnh, góp phần thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và xây dựng một cuộc sống yên bình, hạnh phúc cho Nhân dân.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH...

(Tiếp theo trang 26)

Trường hợp này được thực hiện khi đã tổ chức cuộc đấu giá lần đầu nhưng không thành theo Điều 49 Luật ĐGTS, khi kiểm sát cần lưu ý: (i) Trường hợp đấu giá theo phương thức trả giá lên, khi đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham gia cuộc đấu giá, hoặc có nhiều người tham gia cuộc đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá, hoặc có nhiều người trả giá nhưng chỉ có một người trả giá cao nhất và ít nhất bằng giá khởi điểm, thì tài sản được bán cho người đó trừ trường hợp pháp luật quy định không áp dụng đối với

tài sản đó. (ii) Việc đấu giá tài sản trong những trường hợp này chỉ được tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục đấu giá tài sản theo quy định của Luật ĐGTS và không có khiếu nại liên quan đến trình tự, thủ tục cho đến ngày tổ chức cuộc đấu giá tài sản kê biên. (iii) Biên bản đấu giá tài sản kê biên phải thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 44 Luật ĐGTS.

Ngoài những nội dung trên, kiểm sát đấu giá tài sản kê biên còn có những nội dung khác nhằm giúp cho việc đấu giá tài sản kê biên được minh bạch, đạt hiệu quả cao nhất. Quy định này giúp cho việc đấu giá tài sản thu được hiệu quả cao nhất, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước và người phải thi hành án, người được thi hành án và các tổ chức, cá nhân có liên quan.



Ba mươi Tháng tư, ngày sử vàng lại đến

*B*ốn nghìn năm mở cõi, định cư
Dân Lạc Việt qua bao cơn bão tố
Trường Sơn xanh và biển Đông sóng vỗ
Nơi dải đất này định rõ Việt Nam

*N*ắm tay nhau chống Phương Bắc hơn nghìn năm
Gần thế kỷ cùng đánh Tây, đuổi Nhật
Hai mươi năm chống kẻ thù hung bạo nhất
Việt Nam hiên ngang, tim rực sáng Đan-kô

*B*a mươi tháng tư lịch sử đã điểm giờ
Cờ đỏ bay trên nóc dinh Độc Lập
Bao nụ cười và bao dòng nước mắt
Phút Giao thừa – đất nước khải hoàn ca

*L*à huyền tích, là cổ thoại giữa đời ta
Hiển hiện đầy trong giờ vàng lịch sử
Như Xương Giang, Chi Lăng, Hàm Tử
Như Thăng Long... như rục rĩ một Điện Biên

*B*a mươi tháng tư sống dậy bao nỗi niềm
Cả dân tộc như được chắp thêm cánh
Ba mươi Tháng tư, ngày sử vàng lại đến
Dâng lòng ta, nỗi kiêu hãnh, xuyến xao...

HỒ NGỌC DIỆP

Sống theo pháp luật

Mừng ngày giải phóng miền Nam
Thỏa lòng mong ước bao năm đợi chờ
Cho lòng ước những ước mơ
Chắp thêm đôi cánh từng giờ bay xa

Non sông một dải vào ra
Bắc Nam sum họp nhà nhà đông vui
Hơn 50 năm bao ngọt bùi
Giờ cùng ôn lại tình đời nặng sâu

Đường xa nay đã có cầu
Bao quê nối nhịp nặng sâu ân tình
Non sông một dải thanh bình
Sống theo pháp luật dân mình khắc ghi

LÊ HUẤN

Thăm lại chiến trường Khe Sanh

Tôi về Đường Chín - Nam Lào
Nghe trong ruột đất thét gào đạn bom
Dấu chân người lính Trường Sơn
Phủ màu sương gió vẫn còn nơi đây

Tôi về thăm lại Làng Vây
Lắng nghe khúc hát
những ngày hành quân
Hòa trong tiếng gió đại ngàn
Bóng hình đồng đội bàn chân băng rừng

Núi non hùng vĩ điệp trùng
Một thời trận mạc cùng chung chiến hào
Khe Sanh chiến thắng năm nào
Diệu kỳ "pháo trộn, bom đào" vượt qua

Chiến tranh nay đã lùi xa
Mai đào khoe sắc nở hoa đậm chồi
Màu xanh đã trở lại rồi
Vườn cây trĩu quả bồi bồi con tim

Chỉ còn bóng mẹ lặng im
Hao gầy năm tháng ngược nhìn trước sân
Lá vàng rơi mấy chục năm
Chìm trong nỗi nhớ... bước chân
chiến trường...

TRẦN ĐÌNH NGÔN

Câu 1: Ông Nguyễn Văn Cường (Đông Hà, Quảng Trị) hỏi: Hiện nay, pháp luật quy định như thế nào về mức phạt tiền, hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng trong hoạt động đường bộ?

Trả lời:

Căn cứ Điều 3 Nghị định 336/2025/NĐ-CP ngày 22/12/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đường bộ (*Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2026*) thì mức phạt tiền, hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng trong hoạt động đường bộ như sau:

1. Mức phạt tiền tối đa trong hoạt động đường bộ thuộc lĩnh vực giao thông đường bộ đối với cá nhân là 75.000.000 đồng và đối với tổ chức là 150.000.000 đồng.

2. Hình thức xử phạt chính

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

- a) Đình chỉ việc tổ chức đào tạo;
- b) Đình chỉ hoạt động thi công;
- c) Tước quyền sử dụng phù hiệu cấp cho xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải;
- d) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh vận tải.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

b) Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính;

d) Buộc tháo dỡ vật gắn, treo, lắp vào công trình báo hiệu đường bộ; buộc di dời cây trồng che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện, biển báo hiệu đường bộ;

đ) Buộc thu dọn rác thải, chất phế thải, phương tiện, vật tư, vật liệu, đất đá, hàng hóa, máy móc, thiết bị, băng rôn, biển hiệu, biển quảng cáo, các loại vật dụng, vật cản khác;

e) Buộc bổ sung, sửa chữa các biển báo hiệu bị mất, bị hư hỏng; khắc phục các hư hỏng của công trình đường bộ;

g) Buộc niêm yết đầy đủ, chính xác các thông tin theo quy định.

5. Nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

6. Đối với hành vi vi phạm có cùng tính chất, mô tả hành vi tương tự nhau được quy định tại Nghị định này, trong trường hợp đối tượng vi phạm trùng nhau sẽ được xử phạt như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 và hành vi vi phạm tương ứng tại điểm d khoản 4 Điều 12, trong trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là hộ kinh doanh mà chủ hộ kinh doanh vận tải là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị áp dụng mức xử phạt của cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 12;

b) Đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 11 và hành vi vi phạm tương ứng tại điểm đ khoản 4 Điều 12, trong trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là hộ kinh doanh mà chủ hộ kinh doanh vận tải là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị áp dụng mức xử phạt của cá nhân theo quy định điểm đ khoản 4 Điều 12.

Câu 2: Ông Phạm Gia Khang (Quảng Trạch, Quảng Trị) hỏi: Pháp luật hiện hành quy định như thế nào về cơ sở dữ liệu về nhà ở?

Trả lời:

Căn cứ Điều 14 Nghị định 357/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản (*Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2026*) thì quy định liên quan đến cơ sở dữ liệu về nhà ở như sau:

1. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về nhà ở do Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương ban hành theo thẩm quyền.

2. Chỉ tiêu phát triển các loại hình nhà ở theo Đề án; Chương trình, kế hoạch phát

triển nhà ở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và kết quả thực hiện bao gồm:

a) Diện tích đất để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở công vụ, cải tạo xây dựng nhà chung cư và nhà ở khác (nếu có);

b) Diện tích nhà ở bình quân đầu người;

c) Diện tích sàn nhà ở, số lượng nhà ở.

3. Các loại hình phát triển nhà ở bao gồm:

a) Nhà ở thương mại;

b) Nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam đầu tư xây dựng;

c) Nhà ở công vụ;

d) Nhà ở phục vụ tái định cư;

đ) Cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư;

e) Nhà ở hỗn hợp;

g) Nhà ở thuộc tài sản công;

h) Các chương trình hỗ trợ về nhà ở:

Nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ; nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các xã nghèo; nhà ở theo các chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung và Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long; nhà ở theo các chương trình hỗ trợ khác (nếu có).

4. Thông tin, dữ liệu về nhà ở trong tổng điều tra dân số và nhà ở; điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ.

Câu 3: Bà Dương Thanh Nga (Hoàn Lão, Quảng Trị) hỏi: Quy định của pháp luật hiện nay về thủ tục đầu tư đặc biệt?

Trả lời:

Căn cứ Điều 28 Luật Đầu tư năm 2025 (Luật có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2026) thì thủ tục đầu tư đặc biệt được quy định như sau:

1. Nhà đầu tư được quyền lựa chọn đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều này đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế và khu chức năng trong

khu kinh tế, trừ dự án phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Chính phủ.

2. Dự án đăng ký đầu tư theo quy định của Điều này không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch chi tiết, cấp Giấy phép xây dựng và các thủ tục để được phê duyệt, chấp thuận, cho phép trong lĩnh vực xây dựng, phòng cháy, chữa cháy.

Nhà đầu tư phải có văn bản cam kết đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy; đề xuất dự án đầu tư bao gồm nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường và biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường thay thế cho đánh giá sơ bộ tác động môi trường, việc sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao (nếu có).

3. Trước khi khởi công xây dựng, nhà đầu tư gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý trật tự xây dựng tại địa phương và Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế văn bản thông báo khởi công kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về xây dựng do nhà đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt;

b) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện thẩm tra về an toàn công trình, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy; sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là cơ sở để Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thực hiện các thủ tục hành chính; thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá, xử lý vi phạm hành chính và quản lý nhà nước đối với dự án.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt.

Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1

I. DÒNG CHẢY CHÍNH SÁCH

Một số chính sách có hiệu lực từ tháng 4 năm 2026

1. Bắt buộc xác thực tên thật tài khoản ngân hàng từ 1/4

Ngày 30/9/2025, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 30/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung quy định về cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, chính thức yêu cầu sử dụng tên thật đối với tài khoản ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 01/4/2026.

Theo Thông tư số 30/2025/TT-NHNN, các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tính hợp pháp của lệnh thanh toán, trong đó thông tin số tài khoản và tên tài khoản phải trùng khớp với tên thật trên Căn cước công dân hoặc thẻ Căn cước của khách hàng khi đăng ký và sử dụng tài khoản. Đồng thời, thông tin này phải được hiển thị đầy đủ trên chứng từ thanh toán nhằm đảm bảo tính minh bạch và khả năng truy vết giao dịch.

2. Bảo đảm quyền của người bị trục xuất

Ngày 13/2/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2026/NĐ-CP quy định hình thức xử phạt trục xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2026.

Nghị định bổ sung quyền của người bị trục xuất. Theo đó, người bị trục xuất được liên hệ, thông báo với cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự của nước mà mình là công dân; được yêu cầu xem xét lại quyết định xử phạt trục xuất.

Nghị định cũng quy định cơ chế thi hành trục xuất trong trường hợp không có khả năng nộp phạt tiền. Khi người vi phạm không có tài sản hoặc không có khả năng tài chính để thi hành hình thức phạt tiền, đồng thời cần bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, thì được thi hành ngay hình thức

xử phạt trực xuất và chấm dứt việc cưỡng chế sau khi đã trục xuất.

3. Chuẩn hóa khai thác dữ liệu vi phạm hành chính

Ngày 13/2/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 61/2026/NĐ-CP quy định quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính, có hiệu lực từ ngày 01/4/2026.

Nghị định cho phép tiếp nhận dữ liệu qua nhiều kênh như trực tiếp, thư điện tử, cổng thông tin điện tử, ứng dụng di động (trong đó có VNeID), dịch vụ bưu chính hoặc kết nối qua nền tảng số. Việc đa dạng hóa nguồn dữ liệu góp phần nâng cao hiệu quả giám sát, giảm chi phí quản lý và tăng tính chủ động trong phát hiện vi phạm.

Đáng chú ý, cá nhân, tổ chức cung cấp dữ liệu được bảo đảm quyền bảo mật thông tin và có thể yêu cầu thông báo kết quả xử lý. Đồng thời, phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu đã cung cấp. Quy định thời hạn xác minh tối đa 30 ngày, trường hợp phức tạp không quá 60 ngày, giúp rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật.

4. Trang bị phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới không bảo đảm bị phạt tới 40 triệu đồng

Ngày 6/3/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 69/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 106/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Theo đó, Nghị định số 69/2026/NĐ-CP bổ sung điểm c của khoản 8 Điều 20 vi phạm quy định về trang bị, lắp đặt phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Hành vi trang bị phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới không bảo đảm theo quy định sẽ bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Nghị định này chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 20/4/2026.

5. Quy định về miễn thi tốt nghiệp THPT môn ngoại ngữ

Ngày 9/3/2026, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT bổ sung 2 chứng chỉ được miễn thi ngoại ngữ là tiếng Hàn TOPIK và tiếng Anh quốc tế Versant English Placement Test (VEPT). Như vậy, số chứng chỉ được chấp nhận dùng để miễn thi ngoại ngữ khi xét tốt nghiệp THPT 2026 được nâng lên 22 gồm chứng chỉ về các ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Đức, tiếng Nhật và tiếng Hàn. Các chứng chỉ này phải còn hiệu lực đến thời điểm thí sinh làm thủ tục dự thi tốt nghiệp THPT.

Thông tư 13/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 24/4/2026.

Phòng PBGDPL&TĐTHPL

II. TIÊU ĐIỂM CHÍNH SÁCH**Hỏi đáp pháp luật về xét, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”****1. Đối tượng áp dụng xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” được quy định như thế nào?****Trả lời:**

Điều 6 Quyết định số 01/2026/QĐ-TTg của ngày 01/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng quy định đối tượng áp dụng xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” gồm:

- Thanh niên xung phong có thành tích trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành nhiệm vụ, có thời gian tham gia lực lượng thanh niên xung phong tập trung từ đủ 24 tháng trở lên.

- Thanh niên xung phong hy sinh khi làm nhiệm vụ trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc đã được công nhận liệt sĩ.

2. Thẩm quyền xét, đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”?**Trả lời:**

Điều 8 Quyết định số 01/2026/QĐ-TTg của ngày 01/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng quy định thẩm quyền xét, đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo việc thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” trên địa bàn, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, đề nghị khen thưởng.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc thẩm định hồ sơ đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” trên địa bàn, trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước quyết định tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” qua Bộ Nội vụ.

- Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước quyết định tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”.

3. Mốc thời gian để tính khen thưởng được quy định như thế nào?**Trả lời:**

Điều 9 Quyết định số 01/2026/QĐ-TTg của ngày 01/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng quy định mốc thời gian để tính khen thưởng được quy định như sau:

- Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp từ ngày 15 tháng 7 năm 1950 đến ngày 20 tháng 7 năm 1954.

- Thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ từ ngày 21 tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, bao gồm: Chống đế quốc Mỹ ở miền Bắc; chống đế quốc Mỹ ở miền Nam; làm nhiệm vụ giúp nước bạn Lào từ tháng 5 năm 1972 đến tháng 12 năm 1975.

- Thời kỳ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế:

Cá nhân trực tiếp tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu. Thời gian quy định như sau:

+ Chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 07 tháng 01 năm 1979;

+ Chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc từ tháng 02 năm 1979 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988;

+ Làm nhiệm vụ giúp nước bạn Lào từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988;

+ Làm nhiệm vụ quốc tế ở nước bạn Campuchia từ tháng 01 năm 1979 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989;

+ Làm nhiệm vụ truy quét Ful-rô từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 12 năm 1992.

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” bao gồm những gì?

Trả lời:

Điều 11 Quyết định số 01/2026/QĐ-TTg của ngày 01/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng quy định hồ sơ đề nghị xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” như sau:

- Bản khai đề nghị xét tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng”;

- Giấy tờ minh chứng: Nếu cá nhân là Thanh niên xung phong qua các thời kỳ quy định tại Điều 9 thì phải thể hiện đơn vị tham gia thanh niên xung phong và có tổng thời gian tham gia thanh niên xung phong cộng dồn đủ 24 tháng trở lên (viết tắt là: thông tin về thời gian tham gia thanh niên xung phong) hoặc nếu là liệt sĩ thì có giấy tờ chứng minh liệt sĩ khi là thanh niên xung phong.

Giấy tờ minh chứng là một hoặc một số giấy tờ sau đây đảm bảo tính pháp lý (gồm bản chính hoặc bản sao y theo quy định):

+ Lý lịch cán bộ hoặc phiếu cá nhân hoặc lý lịch đảng viên (kể cả lý lịch đảng viên của thân nhân theo quy định) có thể hiện thời gian tham gia Thanh niên xung phong khai trước thời điểm ban hành Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

riêng đối với Thanh niên xung phong cơ sở miền Nam, lý lịch khai trước năm 1995. Lý lịch đảng viên phải do cấp ủy đảng nơi đảng viên sinh hoạt xác nhận sao y bản chính;

+ Quyết định nghỉ hưu, hưởng bảo hiểm xã hội trong đó thể hiện thông tin về thời gian tham gia Thanh niên xung phong theo quy định;

+ Quyết định hưởng trợ cấp, hưởng chính sách đối với Thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc của cơ quan có thẩm quyền ban hành;

+ Quyết định hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 176-HĐBT ngày 09 tháng 9 năm 1989 của Hội đồng Bộ trưởng nay là Chính phủ về sắp xếp lại lao động trong các đơn vị kinh tế quốc doanh, trong đó có thông tin về thời gian tham gia thanh niên xung phong theo quy định;

+ Giấy chứng nhận (xác nhận) Thanh niên xung phong của Tổng đội Thanh niên xung phong được cấp tại thời điểm cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.

Riêng đối với các trường hợp Giấy chứng nhận (xác nhận) hoặc Kỷ niệm chương thanh niên xung phong của Tổng hội Thanh niên xung phong, Hội Thanh niên xung phong tỉnh, thành phố cấp sau năm 1999, trong đó thể hiện thời gian tham gia thanh niên xung phong, phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong phải kèm theo các căn cứ để xác nhận, cấp giấy chứng nhận;

+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương như: Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị quản lý Thanh niên xung phong; Giấy chuyển thương, chuyển viện, phiếu sức khỏe; Giấy khen trong thời gian tham gia lực lượng Thanh niên xung phong; Giấy điều động công tác, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ... có thông tin về thời gian tham gia thanh niên xung phong;

+ Đối với trường hợp đã được khen thưởng thành tích kháng chiến cá nhân có thể nộp: Bản sao y Bằng Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bằng khen

của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Quyết định số 98/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và kèm theo bản khai thành tích khi đề nghị khen thưởng thành tích kháng chiến đó. Trong bản khai đã được xét duyệt khen thưởng kháng chiến có thông tin về thời gian tham gia thanh niên xung phong;

+ Đối với liệt sĩ: Bản sao y Bằng Tổ quốc ghi công có ghi thông tin là Thanh niên xung phong. Trường hợp Bằng Tổ quốc ghi công không ghi thông tin thanh niên xung phong thì phải có giấy tờ được cấp có thẩm quyền xác nhận liệt sĩ khi hy sinh là thanh niên xung phong (trích lục hồ sơ liệt sĩ).

- Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (01 bộ bản chính và các tệp tin điện tử của hồ sơ đề nghị khen thưởng), gồm:

+ Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo danh sách các trường hợp đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”;

+ Biên bản hội nghị xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” của cấp xã;

+ Hồ sơ đề nghị của Thanh niên xung phong theo quy định 1, 2 ở trên;

+ Kết quả công khai các trường hợp đề nghị khen thưởng theo quy định.

- Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ (01 bộ bản chính và các tệp tin điện tử của hồ sơ đề nghị khen thưởng), gồm:

+ Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo danh sách các trường hợp đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”;

+ Hồ sơ đề nghị của Thanh niên xung phong theo quy định tại 1, 2 nêu trên. Riêng bản khai phải có xác nhận của cơ quan thẩm định hồ sơ cấp tỉnh và ghi rõ thời gian xét khen thưởng.

5. Trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 12 Quyết định số 01/2026/QĐ-TTg của ngày 01/01/2026 của Thủ tướng Chính

phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng quy định Trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” được thực hiện như sau:

- Thanh niên xung phong hoặc thân nhân của Thanh niên xung phong lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại 1 ở trên và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi Thanh niên xung phong đăng ký cư trú (đối với trường hợp còn sống) hoặc nơi cư trú của thân nhân đứng ra kê khai cư trú (đối với Thanh niên xung phong đã hy sinh, tử trận).

- Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định có trách nhiệm:

+ Công bố công khai danh sách các trường hợp đề nghị xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” trên các phương tiện thông tin truyền thông và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có) trong thời hạn 10 ngày làm việc;

+ Tổ chức hội nghị đề nghị xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”;

+ Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, đề nghị khen thưởng đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định có trách nhiệm:

+ Chỉ đạo Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng, phối hợp với Hội (Ban Liên lạc) Cựu Thanh niên xung phong cấp tỉnh (nếu có) tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” và ký xác nhận kết quả thẩm định vào Bản kê khai thành tích của cá nhân.

+ Trình Thủ tướng Chính phủ (qua Bộ Nội vụ) xem xét, đề nghị khen thưởng đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục theo quy định.

- Bộ Nội vụ trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định có trách nhiệm:

+ Thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến các cơ quan liên quan (nếu có);

+ Trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước quyết định tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”.

- Trường hợp hồ sơ Thanh niên xung phong thiếu căn cứ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ của cấp xã có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn Thanh niên xung phong hoàn thiện hồ sơ và nộp hồ sơ theo quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn.

- Trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục khen thưởng, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thẩm định, xét duyệt ở cấp đó, cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản trả lại hồ sơ cho đơn vị trình khen thưởng; văn bản thông báo phải nêu rõ căn cứ pháp lý trả lại hồ sơ khen thưởng.

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong” cấp tỉnh, cấp xã tổ chức xác minh đối với những trường hợp có thành tích chưa rõ ràng, có đơn khiếu nại, tố cáo hoặc có dấu hiệu về việc hồ sơ đề nghị khen thưởng bị làm giả.

Phòng PBGDPL&TĐTHPL

III. ĐƯA PHÁP LUẬT VÀO CUỘC SỐNG

Sở Tư pháp Quảng Trị: “Chiến dịch” đăng ký khai sinh cho những trẻ em “đặc biệt” ở vùng biên

Tại một số xã vùng biên tỉnh Quảng Trị, một số trẻ em là con của công dân Việt Nam với người nước ngoài, người không quốc tịch; chưa được đăng ký khai sinh (ĐKKK). Sở Tư pháp đã chủ động rà soát, phối hợp tháo gỡ tình hình này.

Trẻ bị thiệt thòi vì chưa được đăng ký khai sinh

Theo quy định, ĐKKK là quyền nhân thân cơ bản của mỗi cá nhân ngay từ khi được sinh ra, cơ sở pháp lý để xác lập các quyền và nghĩa vụ công dân. Tuy nhiên, qua rà soát tại các xã vùng biên Quảng Trị như: Lao Bảo, Tà Rụt, Hướng Lập, A Dơi, Khe Sanh... vẫn còn một số trường hợp trẻ chưa được ĐKKK.

Theo thống kê, toàn tỉnh Quảng Trị có 38 trẻ chưa được ĐKKK, trong đó khu vực phía Nam 29 trường hợp, phía Bắc 9 trường hợp. Những trường hợp này được sinh ra tại Việt Nam, có cha là công dân Việt Nam, mẹ là người không có quốc tịch, không có giấy tờ tùy thân, cha mẹ không đăng ký kết hôn (ĐKKH). Vì chưa được ĐKKK, trẻ gặp khó khăn trong việc hoàn thiện giấy tờ nhân thân, ảnh hưởng quá trình học tập, khám, chữa bệnh, tiếp cận các chính sách an sinh xã hội.

Để giúp các trường hợp này được đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật Việt Nam và đảm bảo quyền lợi của trẻ trong tiếp cận các chính sách an sinh xã hội, Sở Tư pháp giao Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (TTTGPLNN) số 2 rà soát, hướng dẫn từng trường hợp cụ thể. Theo TTTGPLNN số



Lực lượng chức năng hỗ trợ người dân làm giấy tờ

2, quá trình rà soát hướng dẫn ĐKKS, một số trường hợp gặp khó khăn do thiếu giấy tờ tùy thân, hoặc chưa có tài khoản VNeID định danh mức độ 2. Một số trường hợp người cha làm mất căn cước công dân hoặc đã hết hạn nên chưa thể hoàn thiện hồ sơ. Một số trường hợp đi làm ăn xa, việc hoàn thiện hồ sơ gặp khó khăn, phải chờ người cha trở về mới có thể thực hiện thủ tục nhận cha - con và ĐKKS cho trẻ.

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga, Phó Chủ tịch UBND xã Lao Bảo cho biết, trên địa bàn có một số trường hợp trẻ chưa được ĐKKS do cha mẹ chung sống với nhau nhưng chưa ĐKKH, có yếu tố di cư tự do, hoặc mẹ là người nước ngoài chưa có giấy tờ nhân thân đầy đủ. Trước đây, việc ĐKKS có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện. Với cấp xã, chỉ thực hiện ĐKKS trong một số trường hợp cụ thể theo quy định về hộ tịch, nên quá trình giải quyết gặp nhiều khó khăn.

Những giải pháp cặn kẽ, quyết liệt, trách nhiệm

Trước thực tế này, Sở Tư pháp nhận định, việc ĐKKS cho các trẻ này là nhiệm vụ cần được ưu tiên giải quyết. Sở đã ban hành các văn bản chỉ đạo, đề nghị các địa phương rà soát, thống kê các trường hợp, xây dựng kế hoạch hỗ trợ cụ thể. Sở cũng chủ động triển khai các biện pháp hỗ trợ trực tiếp tại cơ sở, chỉ đạo TTTGPLNN số 2 cử cán bộ trực tiếp xuống cơ sở, đến từng hộ gia đình tư vấn, hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ.

Để tạo điều kiện cho những người đi làm ăn xa có thể hoàn thiện thủ tục khi trở về địa phương, Sở đã có văn bản đề nghị UBND các xã biên giới bố trí cán

bộ trực tiếp nhận và giải quyết hồ sơ ĐKKS trong dịp nghỉ Tết Nguyên đán. Từ những biện pháp cụ thể này, tính chung toàn tỉnh, đến nay đã giải quyết ĐKKS cho 32/38 trường hợp; số còn lại đang được tiếp tục hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Theo ông Nguyễn Lương Chính, PGĐ phụ trách TTTGPLNN số 2, việc hỗ trợ ĐKKS không chỉ nhằm tháo gỡ những vướng mắc về thủ tục hành chính mà còn giúp người dân hiểu rõ hơn các quy định pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình. “Trong quá trình triển khai, Trung tâm đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, Công an và lực lượng Bộ đội Biên phòng để rà soát từng trường hợp cụ thể, trực tiếp hướng dẫn người dân hoàn thiện hồ sơ theo quy định”, ông Chính cho biết.

Theo ông Trần Chí Tiến, Giám đốc Sở Tư pháp Quảng Trị, việc ĐKKS cho trẻ trong những trường hợp đặc biệt trên không chỉ là yêu cầu về thủ tục hành chính mà còn là bước quan trọng để bảo đảm quyền nhân thân của trẻ, tạo nền tảng cho việc thụ hưởng các quyền lợi về giáo dục, y tế và an sinh xã hội.

Minh Phương



Sự vào cuộc của các lực lượng đã giúp các trường hợp trẻ em “đặc biệt” được ĐKKS

1. Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15

Theo đó, tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ bổ sung Điều 8a vào sau Điều 8 Luật Sở hữu trí tuệ quy định về quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ với nội dung như sau:

- Chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ có trách nhiệm lập danh mục riêng để quản trị nội bộ trong trường hợp quyền sở hữu trí tuệ chưa đáp ứng điều kiện để ghi nhận giá trị tài sản trong sổ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

- Chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ được sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để thực hiện các hoạt động giao dịch dân sự, thương mại, đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật liên quan theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Nhà nước khuyến khích khai thác quyền sở hữu trí tuệ, sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để góp vốn hoặc thế chấp để vay vốn theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2026.

2. Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15

Theo đó, tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ đã sửa đổi, bổ sung Điều 8 về góp vốn bằng công nghệ như sau:

- Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hợp pháp công nghệ được góp vốn bằng công nghệ vào dự án đầu tư hoặc doanh nghiệp, được thương mại hóa công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Trường hợp dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước thì công nghệ đưa vào góp vốn phải được thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá và xác nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trước khi thực hiện góp vốn.

- Nhà nước khuyến khích góp vốn bằng công nghệ tạo ra từ hoạt động khoa học,

công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam thông qua các biện pháp hỗ trợ thẩm định giá, xác lập quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ hợp pháp.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2026.

3. Ngày 13/01/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 13/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục của Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Theo đó, tại Điều 2 Nghị định số 13/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Nghị định số 62/2024/NĐ-CP như sau:

- Số liệu GDP được công bố như sau:

+ Số liệu ước tính quý I; sơ bộ quý IV năm trước năm báo cáo: ngày 03 tháng 4 năm báo cáo;

+ Số liệu ước tính quý II, 6 tháng và ước tính cả năm lần 1; sơ bộ quý I: ngày 03 tháng 7 năm báo cáo;

+ Số liệu ước tính quý III và 9 tháng; sơ bộ quý II và 6 tháng: ngày 03 tháng 10 năm báo cáo;

+ Số liệu ước tính quý IV và ước tính cả năm lần 2; sơ bộ quý III và 9 tháng: ngày 03 tháng 01 năm kế tiếp sau năm báo cáo;

+ Số liệu sơ bộ cả năm: ngày 03 tháng 10 năm kế tiếp sau năm báo cáo;

+ Số liệu chính thức cả năm và theo quý của năm báo cáo: ngày 03 tháng 10 năm thứ hai kế tiếp sau năm báo cáo.

- Số liệu GRDP được công bố như sau:

+ Số liệu ước tính quý I; sơ bộ quý IV năm trước năm báo cáo: ngày 29 tháng 3 năm báo cáo;

+ Số liệu ước tính quý II, 6 tháng và ước tính cả năm lần 1; sơ bộ quý I: ngày 29 tháng 6 năm báo cáo;

+ Số liệu ước tính quý III và 9 tháng; sơ bộ quý II và 6 tháng: ngày 29 tháng 9 năm báo cáo;

+ Số liệu ước tính quý IV và ước tính cả năm lần 2; sơ bộ quý III và 9 tháng: ngày 29 tháng 11 năm báo cáo;

+ Số liệu sơ bộ cả năm: ngày 29 tháng 9 năm kế tiếp sau năm báo cáo;

+ Số liệu chính thức cả năm và theo quý của năm báo cáo: ngày 29 tháng 9 năm thứ hai kế tiếp sau năm báo cáo.

Nghị định số 13/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 10/4/2026.

4. Ngày 13/02/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2026/NĐ-CP quy định hình thức xử phạt trực xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất

Nghị định số 59/2026/NĐ-CP quy định về: Đối tượng áp dụng, thủ tục áp dụng hình thức xử phạt trực xuất; quyền, nghĩa vụ của người bị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất; biện pháp quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức thi hành hình thức xử phạt trực xuất. Đối tượng áp dụng, thủ tục tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính; các trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính; quyền và nghĩa vụ của người bị áp dụng biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính. Những quy định khác có liên quan đến việc áp dụng hình thức xử phạt trực xuất và biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính. Trong đó, tại Điều 16 quy định việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Cản ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác.

- Cản ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

- Để thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Người có hành vi bạo lực gia đình vi phạm quyết định cấm tiếp xúc theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Để xác định tình trạng nghiện ma túy đối với người sử dụng trái phép chất ma túy.

Nghị định số 59/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2026.

5. Ngày 13/02/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 61/2026/NĐ-CP quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương

tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính

Nghị định số 61/2026/NĐ-CP quy định về việc quản lý, sử dụng, danh mục, đối tượng được trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống ma túy, phòng, chống tác hại của rượu, bia, khai thác thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và nuôi trồng thủy sản, tần số vô tuyến điện và việc sử dụng, bảo quản kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ. Quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính. Tại Điều 9 Nghị định số 61/2026/NĐ-CP quy định về trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ như sau:

- Nguyên tắc trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ:

+ Phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ tại cơ quan, đơn vị được trang bị, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí;

+ Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng quy định tại khoản 2 Điều 9 và yêu cầu đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính;

+ Tuân thủ trình tự, thủ tục trang bị theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan.

- Đối tượng được trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ gồm:

+ Cảnh sát giao thông, Cảnh sát cơ động, Cảnh sát trật tự, Cảnh sát phản ứng nhanh, Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Quản lý xuất nhập cảnh, Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Thanh tra Công an nhân dân, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an xã, phường, đặc khu;

+ Thanh tra hàng hải Việt Nam, Thanh tra hàng không Việt Nam, Cảng vụ đường thủy nội địa, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không;

+ Cục Đường sắt Việt Nam;

+ Cục Đường bộ Việt Nam;

+ Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam;

- + Kiểm lâm, Kiểm ngư;
- + Hải quan;
- + Quản lý thị trường;
- + Cục Tần số vô tuyến điện, Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Các lực lượng quy định tại khoản 2 Điều 9, khi tham gia phối hợp với các lực lượng khác được sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trang bị cho lực lượng của mình để phát hiện vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

- Thẩm quyền quyết định trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ: Bộ trưởng các bộ quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 61/2026/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ do cấp mình đầu tư, mua sắm hoặc quản lý cho các lực lượng thuộc quyền quản lý quy định tại khoản 2 Điều 9.

Nghị định số 61/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2026.

6. Ngày 06/3/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 69/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 106/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Theo đó, tại Điều 4 Nghị định số 69/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP về vi phạm quy định về tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ như sau: Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân sử dụng đối tượng quy định tại các điểm c, d, đ, e và điểm g khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (gồm: Người đứng đầu cơ sở; thành viên Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở; thành viên Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành; thành viên Đội dân phòng; người được phân công thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở; người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở; người làm việc trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ hoặc thường xuyên tiếp xúc với chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; người điều khiển phương tiện, người làm việc trên phương tiện giao thông quy định tại khoản 10 Điều 2 của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) thực hiện

nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ nhưng chưa có văn bản thông báo kết quả huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Nghị định số 69/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 20/4/2026.

7. Ngày 05/3/2026, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Thông tư số 18/2026/TT-BTC quy định chi tiết về hồ sơ, thủ tục thông báo doanh thu, kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, thông báo địa điểm kinh doanh, tạm ngừng, chấm dứt hoạt động kinh doanh đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại khoản 4 Điều 13 Luật Quản lý thuế, Điều 8, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05/3/2026 của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Trong đó, tại Điều 6, 7 Thông tư số 18/2026/TT-BTC quy định về việc tiếp nhận, phân loại, giải quyết hồ sơ hoàn thuế nộp thừa và trả kết quả giải quyết hoàn thuế như sau:

- Cơ quan thuế tiếp nhận, phân loại, giải quyết hồ sơ hoàn thuế nộp thừa của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

- Cơ quan thuế ban hành Quyết định hoàn thuế hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước theo quy định.

- Cơ quan thuế gửi Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước hoặc Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ khoản thu ngân sách nhà nước cho Kho bạc Nhà nước quản lý địa bàn tương ứng với cơ quan thuế ban hành Lệnh hoàn trả để thực hiện hạch toán hoàn trả và chuyển chứng từ cho Kho bạc Nhà nước nơi có khoản thu ngân sách nhà nước được bù trừ để hạch toán thu ngân sách nhà nước theo quy định để thực hiện hoàn thuế cho người nộp thuế.

- Cơ quan thuế gửi Quyết định hoàn thuế, Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được hoàn trả (nếu có) hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước, Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được hoàn trả kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước (nếu có) cho người nộp thuế, cơ quan, tổ chức có liên quan; trường hợp không được hoàn thuế thì cơ quan thuế gửi Thông báo về việc không được hoàn thuế cho

hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Thông tư số 18/2026/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 05/3/2026.

8. Ngày 26/02/2026, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT ban hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân

Theo đó, tại Điều 2 Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT quy định về văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân như sau:

- Văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân là văn bản thể hiện dưới dạng giấy hoặc số được cấp cho người học khi tốt nghiệp trung học phổ thông; người học hoàn thành chương trình giáo dục, chương trình đào tạo và đạt chuẩn đầu ra của trình độ tương ứng trong giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học theo quy định của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15, Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15, Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15.

Văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân gồm bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng trung học nghề, bằng trung cấp, bằng cao đẳng; bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và văn bằng chương trình đào tạo chuyên sâu của một số ngành, lĩnh vực đặc thù. Văn bằng chương trình đào tạo chuyên sâu bao gồm: bằng kỹ sư, bằng kiến trúc sư đối với các ngành kỹ thuật; bằng bác sĩ, bằng dược sĩ đối với lĩnh vực sức khỏe; một số văn bằng khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp cho người tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên sâu của một số ngành, lĩnh vực đặc thù.

- Chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân là văn bản thể hiện dưới dạng giấy hoặc số được cấp cho người học theo quy định của Luật số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15, Luật số 124/2025/QH15, Luật số 125/2025/QH15 để xác nhận kết quả học tập sau khi được đào tạo, bồi dưỡng

nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp hoặc cấp cho người học dự thi lấy chứng chỉ theo quy định.

- Văn bằng, chứng chỉ giấy; văn bằng, chứng chỉ số:

+ Văn bằng giấy, chứng chỉ giấy là văn bằng, chứng chỉ được cấp dưới dạng văn bản giấy;

+ Văn bằng số, chứng chỉ số là văn bằng, chứng chỉ được cấp dưới dạng kỹ thuật số từ cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc của cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ nếu được phân cấp;

+ Văn bằng, chứng chỉ giấy và văn bằng, chứng chỉ số có giá trị pháp lý như nhau.

- Việc ký, cấp, sử dụng văn bằng, chứng chỉ số và việc cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ thực hiện theo lộ trình chuyển đổi số do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Việc cấp lại, chỉnh sửa, thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ số thực hiện như đối với văn bằng, chứng chỉ giấy.

- Thông tin trích xuất từ cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 có giá trị pháp lý như thông tin trong sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ và có giá trị xác minh văn bằng, chứng chỉ.

Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2026.

9. Ngày 09/3/2026, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT quy định về phúc khảo bài thi như sau: Bài thi có điểm phúc khảo lệch so với điểm chấm đã công bố từ 0,25 điểm trở lên thì được điều chỉnh điểm, kể cả trường hợp tăng hoặc giảm điểm. Tất cả các trường hợp điều chỉnh điểm đều phải tổ chức đối thoại trực tiếp giữa các Giám khảo chấm phúc khảo và các Giám khảo chấm trước đây (có ghi biên bản). Nếu thấy có biểu hiện tiêu cực phải báo cáo lãnh đạo Ban Phúc khảo để xử lý theo quy định.

Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/4/2026.

Phòng PBGDPL&TĐTHPL

Hội thi Báo cáo viên, Tuyên truyền viên giỏi năm 2026, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030

Ngày 29/4/2026, Đảng ủy Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị tổ chức Hội thi Báo cáo viên, Tuyên truyền viên giỏi năm 2026, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030. Dự Hội thi có đồng chí Trần Chí Tiến, TUV, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Ban Tổ chức Hội thi; đại diện Đảng ủy UBND tỉnh; các đồng chí trong BCH Đảng bộ Sở; các đồng chí Lãnh đạo Sở và các đảng viên, công chức, viên chức và người lao động đến từ các Chi bộ thuộc Đảng bộ Sở Tư pháp.

Phát biểu khai mạc Hội thi, đồng chí Trần Chí Tiến, TUV, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Ban Tổ chức Hội thi nhấn mạnh, Hội thi tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp là hoạt động chính trị trọng tâm năm 2026 của các cấp ủy Đảng nói chung và của Đảng bộ Sở Tư pháp nói riêng, nhằm tạo sự thống nhất trong tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động về đường lối, quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong các văn kiện đại hội đảng các cấp, đặc biệt là văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV. Đồng chí cũng đã động viên các đảng viên tham gia dự Hội thi bình tĩnh, tự tin để hoàn thành tốt phần thi của mình; Ban Giám khảo bình chọn, đánh giá kết quả phải bảo đảm chính xác, khách quan, công bằng và dân chủ.

Tham gia Hội thi có 05 báo cáo viên tiêu biểu, đại diện cho 05 chi bộ trực thuộc Đảng bộ Sở Tư pháp. Tại hội thi, các thí sinh trải qua 03 phần thi gồm: xây dựng đề cương, thuyết trình và trả lời câu hỏi phụ. Nội dung của Hội thi gắn với việc cụ thể hóa, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ nhất, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ nhất hoặc Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030, khuyến khích liên hệ thực tiễn cơ quan, đơn vị nơi thí sinh công tác, sinh hoạt.

Phần đề cương, tập trung đánh giá bố cục, nội dung và khả năng lựa chọn, hệ thống hóa các vấn đề trọng tâm của nghị quyết. Các đề cương báo cáo thể hiện đúng với yêu cầu của thể lệ Hội thi, đầy đủ những vấn đề cốt lõi của chuyên đề. Bố cục từng phần rõ ràng, có dẫn chứng và liên hệ với tình hình của tỉnh, của Sở và của bản thân, có hình ảnh minh họa sát với chủ đề. Hình thức đề cương của các thí sinh trình bày sạch, đẹp, trang trọng, công phu thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thái độ nghiêm túc của thí sinh tham dự Hội thi.

Phần thuyết trình thể hiện khả năng phân tích, truyền đạt; phần trả lời câu hỏi phụ kiểm tra khả năng xử lý tình huống, bản lĩnh, kiến thức và kỹ năng tuyên truyền của thí sinh. Mỗi thí sinh tham dự phần thi thuyết trình với thời lượng từ 15 - 20 phút với chuyên đề đã đăng ký. Trong quá trình thực hiện, các thí sinh đều đã bám sát đề cương, nội dung thuyết trình đầy đủ; thể hiện từng phần rõ ràng, rành mạch, có nêu dẫn chứng liên hệ với thực tiễn. Phần thuyết trình của các thí sinh có hình ảnh minh họa sinh động, hấp dẫn, có nhiều hình ảnh đẹp, phong phú trên nhiều lĩnh vực mà nội dung chuyên đề cần đề cập, thể hiện ý thức trách nhiệm cao, công phu trong sưu tầm, tập hợp tư liệu; phong cách giới thiệu trình bày khá tự tin, chủ động, vừa bám sát đề cương, vừa thoát ly nội dung đã tạo được cảm xúc đối với người nghe và đã hoàn thành tốt phần thi của mình. Phần thực hiện trả lời câu hỏi phụ, với thời lượng không quá 05 phút, các thí sinh trả lời đúng trọng tâm câu hỏi đã chọn, có sự mở rộng, liên hệ thực tiễn làm phong phú thêm nội dung trả lời.

Bế mạc Hội thi, thay mặt Ban Tổ chức, đồng chí Trương Quang Sáng, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, Phó Trưởng Ban Tổ chức Hội thi đánh giá cao công tác chuẩn bị kỹ lưỡng, bài bản, có sự đầu tư công phu, khoa học và nghiên cứu nghiêm túc của nhiều báo cáo viên tham dự Hội thi. Nội dung các chuyên đề dự thi đảm bảo văn phong, nội dung dễ hiểu, hình thức có tính thẩm mỹ cao, đảm bảo tính chuẩn mực của giáo dục; một số báo cáo viên đã nhạy bén đưa số liệu, tư liệu, hình ảnh chọn lọc, hợp lý, tạo được hiệu ứng tâm lý tốt với khán giả. Trong đó, phần thi biên soạn đề cương thuyết

trình, các báo cáo viên chuẩn bị nghiêm túc, đảm bảo được đầy đủ nội dung, bố cục hợp lý, có phân tích lập luận chặt chẽ, nhuần nhuyễn, nêu bật được những vấn đề mới, những nội dung mới của Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng. Trong Phần thi thuyết trình để thực hiện kỹ năng, bản lĩnh, kiến thức sâu rộng của mình thì hầu hết báo cáo viên đã vận dụng tốt kỹ năng tuyên truyền miệng, sử dụng nhiều hình thức biểu đạt sinh động cả về ngôn ngữ, hình ảnh minh họa, tự tin, tự chủ hoàn thành tốt phần thi.

Sau một buổi làm việc khẩn trương, khách quan, công tâm, Ban Tổ chức Hội thi đã trao giải Nhất cho đồng chí Hoàng Nữ Huyền Trang, đảng viên Chi bộ Cơ quan Văn phòng Sở, giải nhì cho đồng chí Đặng Lê Thuỳ Trang, đảng viên Chi bộ Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 1, giải Ba cho đồng chí Nguyễn Thị Kiều Đông, đảng viên Chi bộ Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 2, giải khuyến khích cho đồng chí Đinh Trọng Hiếu, Chi bộ Phòng Công chứng số 1 và số 2 tỉnh Quảng Trị và đồng chí Hoàng Sơn, đảng viên Chi bộ Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Quảng Trị.

Hội thi đã diễn ra thành công tốt đẹp. Hội thi là hoạt động có ý nghĩa thiết thực nhằm tạo điều kiện cho đảng bộ, chi bộ, các đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong toàn đảng bộ Sở Tư pháp học tập, nghiên cứu, rèn luyện, trau dồi kỹ năng, nhất là kỹ năng nắm bắt, tiếp cận vấn đề và giải quyết vấn đề thuyết trình để góp phần đưa nghị quyết của đảng đi vào cuộc sống. Từ đó đẩy mạnh các phong trào thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025-2030, tạo sự thống nhất, đoàn kết trong tư tưởng và hành động của toàn đảng bộ, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của ngành.

Hội nghị Cộng tác viên Bản tin Tư pháp, Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp

Để đánh giá kết quả hoạt động của Bản tin Tư pháp, Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp thời gian qua và thảo luận các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của

Bản tin Tư pháp, Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp trong thời gian tới, ngày 08/4/2026, Sở Tư pháp Quảng Trị tổ chức Hội nghị Cộng tác viên.

Tham dự Hội nghị có đại diện Lãnh đạo Sở Tư pháp Quảng Trị; Lãnh đạo các phòng chuyên môn, tổ chức giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp Quảng Trị; Ban Biên tập, Quản trị, Thư ký, Tổ giúp việc Bản tin Tư pháp, Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp; Cộng tác viên Bản tin Tư pháp, Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp. Đồng chí Trương Quang Sáng, Phó giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Ban Biên tập Bản tin Tư pháp, Phó Trưởng Ban Biên tập Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp chủ trì Hội nghị.

Thời gian qua, hoạt động Bản tin Tư pháp, Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp đã đạt được những kết quả tích cực trong bối cảnh có nhiều thay đổi về tổ chức bộ máy. Sau khi hợp nhất và kiện toàn, Sở Tư pháp đã kịp thời ban hành các Quy chế mới về xuất bản và quản lý thông tin, đảm bảo dòng chảy pháp luật đến với công chúng luôn ổn định, không bị ngắt quãng. Sở Tư pháp đã tiếp nhận hơn 800 tin, bài từ đội ngũ cộng tác viên. Bản tin Tư pháp không chỉ duy trì đều đặn 01 tháng/số mà còn xuất bản các số chuyên đề với dung lượng và chất lượng tăng đáng kể so với những năm trước. Đặc biệt, việc mở mới chuyên mục “Tiêu điểm chính sách” từ đầu năm 2026 là một bước đi đột phá, giúp chuyển tải hiệu quả tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật vào thực tiễn đời sống. Sở Tư pháp đã bước đầu ứng dụng thành công công nghệ AI để đa dạng hóa các sản phẩm truyền thông trên Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp và các Trang mạng xã hội TikTok, Zalo, Facebook và YouTube. Đây chính là chìa khóa để đưa kiến thức pháp luật tiếp cận gần hơn, nhanh hơn với mọi tầng lớp Nhân dân. Có được những thành quả này nhờ sự cộng tác

đầy nhiệt huyết, không quản ngại khó khăn của các đồng chí công tác viên ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, hoạt động của Bản tin Tư pháp, Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp vẫn còn gặp một số khó khăn như: Đội ngũ công tác viên tại cấp xã còn mỏng, bài viết về gương người tốt, việc tốt trong thi hành pháp luật chưa nhiều và chất lượng một số tin bài vẫn cần được đầu tư sâu hơn để phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Bản tin Tư pháp, Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp.

Tại Hội nghị, các ý kiến thảo luận, tham luận đã đánh giá, khẳng định các kết quả đã đạt được, một số tồn tại và đề xuất các giải pháp để Bản tin Tư pháp, Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp ngày càng thu hút đông đảo độc giả.

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Trương Quang Sáng, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Ban Biên tập Bản tin Tư pháp, Phó Trưởng Ban Biên tập Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp nghiêm túc tiếp thu các ý kiến góp ý của các đại biểu. Đồng chí đã đánh giá cao những đóng góp của đội ngũ công tác viên trong thời gian qua, đồng thời nhấn mạnh, sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng Bản tin Tư pháp, Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp. Tập trung vào các bài viết phản ánh thực tiễn thi hành pháp luật tại cộng đồng dân cư, phản ánh kịp thời các chủ trương, chính sách, quy định mới của pháp luật, những vấn đề thực tiễn mà người dân, doanh nghiệp quan tâm; đổi mới mạnh mẽ về hình thức thể hiện theo hướng thân thiện, dễ tiếp cận; qua đó, nâng cao tính tương tác và khả năng lan tỏa; tăng cường lượng ảnh hưởng để Bản tin Tư pháp, Trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp thêm sinh động, hấp dẫn. Đặc biệt, tập trung xây dựng Trang thông tin điện tử phổ biến giáo dục pháp luật của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh thành

trung tâm kết nối, chia sẻ dữ liệu, tài liệu phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh. Tích cực mở rộng và thu hút thêm đội ngũ công tác viên trẻ, các phóng viên, biên tập viên chuyên trách pháp luật và đặc biệt là khích lệ đội ngũ hòa giải viên, tuyên truyền viên pháp luật tại cơ sở tham gia viết tin, bài cho Bản tin Tư pháp và hoạt động của Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Quảng Trị, Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp. Đẩy mạnh chuyển đổi số. Sở Tư pháp sẽ tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng viết tin, bài hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng các sản phẩm truyền thông đa phương tiện cho đội ngũ công tác viên đáp ứng công tác tuyên truyền, PBGDPL trong giai đoạn mới. Đảm bảo tốt nhất quyền lợi cho công tác viên, thực hiện chi trả nhuận bút đúng quy định, kịp thời khen thưởng các cá nhân có nhiều đóng góp xuất sắc để tạo động lực cho sự sáng tạo.

Hội nghị đã trao Giấy khen của Giám đốc Sở Tư pháp cho 01 tập thể và 05 cá nhân đã có nhiều đóng góp cho hoạt động của Bản tin Tư pháp, Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp.

Phòng PBGDPL&TDTHPL

Tập huấn triển khai sử dụng phần mềm CSDL quản lý xử lý vi phạm hành chính tỉnh Quảng Trị

Để triển khai phần mềm CSDL quản lý xử lý vi phạm hành chính tỉnh Quảng Trị áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới) sau sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, trong 02 ngày 31/3/2026 và 01/4/2026, Sở Tư pháp tổ chức 02 lớp tập huấn (tại phường Đồng Hới và phường Đông Hà) triển khai sử dụng phần mềm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

Dự và chỉ đạo Hội nghị có đồng chí Trần Hữu Dân - Phó Giám đốc Sở Tư pháp; đồng chí Trà Đình Huân - Trưởng phòng Quản lý văn bản, Sở Tư pháp và gần 200 học viên tham dự tập huấn là đại diện các cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, bao gồm: các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp xã.

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, đồng chí Trần Hữu Dân - Phó Giám đốc Sở Tư pháp nhấn mạnh việc triển khai sử dụng phần mềm CSDL quản lý xử lý vi phạm hành chính tỉnh Quảng Trị nhằm thực hiện chủ trương của Đảng về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đồng thời, là nhiệm vụ quan trọng để phát triển chính quyền số, hiện đại hóa nền hành chính, tăng cường chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Đồng chí cũng quán triệt các học viên phát huy tinh thần trách nhiệm, tập trung theo dõi nội dung được tập huấn và thực hiện cập nhật hồ sơ xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền đảm bảo dữ liệu được cập nhật “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương trong triển khai Đề án 06 (Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030).

Tại Hội nghị tập huấn, các học viên được nghe giảng viên là kỹ thuật viên thuộc Công ty TNHH Phát triển và Chuyển giao phần mềm (doanh nghiệp cung cấp phần mềm CSDL quản lý xử lý vi phạm hành chính tỉnh Quảng Trị) giới thiệu, hướng dẫn các quy trình cập nhật, khai thác, sử dụng hệ thống phần mềm. Trong đó, trọng tâm là hướng dẫn các cơ quan, đơn vị cập nhật, quản lý hồ sơ xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử lý trên CSDL đảm bảo dữ liệu được cập nhật đầy đủ, kịp thời lên phần mềm. Các học viên còn được các kỹ thuật viên trực tiếp hướng dẫn thực hành cập nhật hồ sơ và giải đáp các vướng mắc trong quá trình thực hiện

Kết thúc Hội nghị tập huấn, các học viên đã nắm rõ quy trình cập nhật hồ sơ xử lý vi phạm hành chính và cách thức khai thác dữ liệu, sử dụng các tính năng trên phần mềm CSDL quản lý xử lý vi phạm hành chính tỉnh Quảng Trị, đảm bảo phần mềm được vận hành thông suốt, hiệu quả trong thời gian tới.

NGỌC THÚY

Tập huấn về công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho đoàn viên, thanh niên năm 2026

Ngày 14/4/2026, thực hiện Công văn số 1011/STP-VP ngày 30/3/2026 của Sở Tư pháp về triển khai Thông báo Kết luận của Chủ tịch

UBND tỉnh tại Hội nghị đối thoại với Thanh niên Quảng Trị năm 2026; Kế hoạch số 19-KH/ĐTN ngày 02/2/2025 của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh UBND tỉnh về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp đã phối hợp với Đoàn cơ sở Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Lớp tập huấn về công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho đoàn viên, thanh niên năm 2026.

Tham dự Lớp tập huấn có đồng chí Đoàn Thị Bích Hào – Bí thư Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp; đồng chí Đoàn Hoàng Đạt – Bí thư Đoàn cơ sở Sở Khoa học và Công nghệ và hơn 35 đoàn viên, thanh niên. Lớp tập huấn được tổ chức gồm 02 chuyên đề: (01) Một số kỹ năng cơ bản để đảm bảo an toàn thông tin, làm việc an toàn trên môi trường mạng và (02) Ứng dụng công nghệ AI để xây dựng infographic, video phục vụ cho công tác tuyên truyền. Qua đó, giúp các đồng chí đoàn viên có thêm công cụ, phương pháp mới để nâng cao hiệu quả công việc.

Lớp tập huấn tập trung vào các kỹ năng thực hành trên máy tính, các đoàn viên được tiếp cận các nội dung về chuyển đổi số, kỹ năng số cơ bản và giới thiệu một số ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hiện nay. Bên cạnh đó, Lớp tập huấn cũng đã nhấn mạnh yêu cầu của việc tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan, đặc biệt trong các vấn đề về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng và trách nhiệm khi sử dụng các nền tảng số.

Cũng trong khuôn khổ của Lớp tập huấn, Ban chấp hành Đoàn cơ sở Sở Khoa học và Công nghệ đã phát động triển khai cài đặt và sử dụng ứng dụng công dân số QuangTri-S đến toàn thể đoàn viên tham dự.

Đây cũng là dịp để đoàn viên, thanh niên hai đơn vị giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, tăng cường phối hợp trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên. Trong thời gian tới, Ban Chấp hành Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nâng cao năng lực số cho đoàn viên, thanh niên, góp phần thực hiện hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”, đồng thời tích cực tham gia xây dựng chính quyền số, xã hội số, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

ĐỨC LÂM

Luật sư đi nhà hàng

Hai luật sư sau khi tham gia bào chữa tại một phiên tòa tỏ ra rất mệt nhọc, họ bước vào một quán và gọi nước uống, mỗi người lấy trong cặp của mình ra một ổ bánh mì để ăn.

Anh phục vụ nhanh chóng nhắc nhở:

- Thưa quý khách, quán chúng tôi có quy định được ghi trên bản bên kia: "Quán chúng tôi có phục vụ ăn trưa. Quý khách vui lòng không ăn thức ăn tự mình mang vào quán".

Hai vị luật sư vui vẻ cảm ơn anh phục vụ và trao đổi bánh mì cho nhau rồi... tiếp tục ngồi ăn ngon lành.

Bắt mạch gõ

Một thương binh đi khám bệnh, bác sĩ sờ lên cổ tay anh ta và xem đồng hồ. Sau một phút theo dõi, ông này phán:

- Tốt, mạch đập bình thường.

- Nhưng... thưa bác sĩ, đó là cánh tay giả của tôi đấy ạ!

An ủi

- Cô: Nếu sau này em làm y tá, chuẩn bị tiêm thuốc cho 1 em nhỏ, em nhỏ sợ quá khóc òa lên, vậy em có tiêm không?

- Bé: Không ạ!

- Cô: Vậy em có an ủi bé không?

- Bé: Thưa cô, em sẽ an ủi là: "thôi, đừng khóc nữa, nếu không cô chích cho 1 mũi bây giờ!"

Lý do kiện bác sĩ

Quan tòa hỏi nguyên đơn: Tại sao anh kiện ông bác sĩ?

Nguyên đơn: Vì tội đồng lõa trong vụ mất trộm ở nhà tôi.

Quan tòa: Cụ thể như thế nào?

Nguyên đơn: Chiều hôm đó tôi đi khám bệnh, ông ấy khuyên tôi uống thuốc ngủ và mở cửa sổ cho thoáng

Những việc tốt đẹp

Trong buổi dạ hội, người đàn ông lịch sự nói với một cô gái đang cười toe toét:

- Thấy cô cười, tôi muốn làm những việc tốt đẹp cho cô.

- Cô gái reo lên: Ôi, ông thật đáng yêu, bắt cứ việc gì ư?

- Ô không, chỉ trong lĩnh vực răng miệng thôi, vì tôi là nha sĩ

Phòng PBGDPL&TDTHPL (Sưu tầm)

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA HỘI NGHỊ
CỘNG TÁC VIÊN BẢN TIN TƯ PHÁP,
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ PHỔ BIẾN,
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỈNH,
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ SỞ TƯ PHÁP**



Toàn cảnh Hội nghị



Các đại biểu tham dự Hội nghị

Đồng chí Trương Quang Sáng, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Ban Biên tập Bản tin Tư pháp trao Giấy khen của Giám đốc Sở Tư pháp cho tập thể Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật và Theo dõi thi hành pháp luật vì đã có nhiều đóng góp cho hoạt động của Bản tin Tư pháp, Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp



Đồng chí Trương Quang Sáng, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Ban Biên tập Bản tin Tư pháp trao Giấy khen của Giám đốc Sở Tư pháp cho các cá nhân vì đã có nhiều đóng góp cho hoạt động của Bản tin Tư pháp, Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA HỘI THI BÁO CÁO VIÊN,
TUYÊN TRUYỀN VIÊN GIỎI NĂM 2026,
TUYÊN TRUYỀN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV
CỦA ĐẢNG VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ
CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025-2030**



Đồng chí Đào Thị Bình, Phó Giám đốc Sở Tư pháp trao giải Nhì cho đồng chí Đặng Lê Thùy Trang



Đồng chí Trương Quang Sáng, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, Phó Trưởng Ban Tổ chức Hội thi trao giải Nhất cho đồng chí Hoàng Nữ Huyền Trang



Đồng chí Trần Hữu Dân, Phó Giám đốc Sở Tư pháp trao giải Ba cho đồng chí Nguyễn Thị Kiều Đông



Đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa và đồng chí Phạm Lê Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Sở, thành viên Ban Tổ chức Hội thi trao giải Khuyến khích cho các thí sinh